

HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2025

Số: 27 - QĐ/TWH

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành Hướng dẫn thực hiện Điều lệ
Hội LHTN Việt Nam khóa IX, nhiệm kỳ 2024 - 2029**

**THƯỜNG TRỰC ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM**

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2024 - 2029;
- Căn cứ Quyết định số 574/QĐ - BNV ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Trung ương Hội LHTN Việt Nam khóa IX;
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Hội LHTN Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam”.

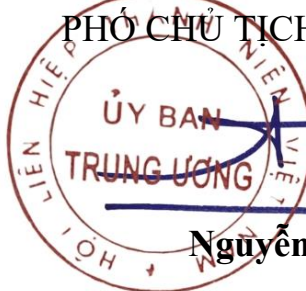
Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ủy viên Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam khóa IX, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam các tỉnh, thành phố, các đơn vị trực thuộc và Văn phòng Trung ương Hội LHTN Việt Nam căn cứ quyết định thi hành./.

**TM. THƯỜNG TRỰC ĐOÀN CHỦ TỊCH
ỦY BAN TRUNG ƯƠNG HỘI LHTN VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận TW, Ban Tổ chức TW (để báo cáo);
- Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- BBT TW Đoàn (để báo cáo);
- BTV các tỉnh, thành Đoàn và Đoàn trực thuộc;
- Lưu VP.



Nguyễn Kim Quy

**HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN ĐIỀU LỆ HỘI LHTN VIỆT NAM**

Căn cứ Điều lệ Hội Liên hiệp Thanh niên (LHTN) Việt Nam đã được thông qua tại Quyết định số 574/QĐ - BNV ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Hội LHTN Việt Nam hướng dẫn việc thực hiện Điều lệ Hội LHTN Việt Nam, như sau:

*** Các từ viết tắt:**

- Hội LHTN Việt Nam gọi tắt là Hội.
- Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh gọi tắt là tổ chức Đoàn.
- Hội LHTN Việt Nam các tỉnh, thành phố, các đơn vị Hội trực thuộc trung ương Hội gọi tắt là cấp tỉnh.
- Hội LHTN Việt Nam cấp xã, phường, thị trấn và tương đương gọi tắt là cấp xã.

PHẦN 1

NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ HỘI VIÊN CỦA HỘI LHTN VIỆT NAM

I. HỘI VIÊN CÁ NHÂN

1. Việc công nhận thanh niên vào Hội

- Tại khoản 1 Điều 8, công dân Việt Nam từ 16 đến 30 tuổi, bao gồm cả công dân Việt Nam đang học tập, lao động, công tác ở nước ngoài hay tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 8 có các điều kiện:

- + Tán thành Điều lệ Hội;
- + Tự nguyện gia nhập Hội;

+ Tự nguyện sinh hoạt trong một tổ chức của Hội và thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của hội viên, đều được xét công nhận vào làm **hội viên chính thức** của Hội.

- Những hội viên hoặc công dân Việt Nam trên 30 tuổi hay tổ chức Việt Nam có nhiều thành tích, công lao đóng góp cho Hội nhưng không có điều kiện gia nhập Hội hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội thì có thể được công nhận là **hội viên danh dự** của Hội.

a. Khái niệm hội viên cá nhân (tại khoản 2 Điều 8)

- Hội viên cá nhân là công dân Việt Nam từ 16 đến 30 tuổi có nguyện vọng tham gia Hội. Trường hợp công dân trên 30 tuổi vẫn có thể trở thành hội viên nếu có nguyện vọng và có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động của Hội.

- Hội viên Hội LHTN Việt Nam có ở Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương; xã, phường, thị trấn và tương đương. Hội viên của Hội ở cấp dưới đương nhiên là hội viên hội cấp trên.

b. Những thanh niên sau đây không xem xét công nhận vào Hội

- Đang trong thời gian thi hành án phạt tù, giáo dục cải tạo tập trung, cải tạo không giam giữ, đang trong thời gian tạm giam, tạm giữ, bị hạn chế một số quyền công dân.

- Mắc bệnh tâm thần.

c. Quy trình kết nạp hội viên (tại khoản 1 Điều 11)

- Các cấp bộ Hội tuyên truyền, giới thiệu về Hội LHTN Việt Nam cho thanh niên.

- Thanh niên, công dân Việt Nam đề đạt nguyện vọng gia nhập Hội với Đoàn Chủ tịch ở Trung ương hoặc Ban Thư ký ở tỉnh hoặc Ủy ban Hội ở xã hoặc Chi hội, Câu lạc bộ, Tổ, Đội (sau đây gọi tắt là tổ chức Hội) bằng đơn xin gia nhập Hội; lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, bản sao có chứng thực căn cước công dân hoặc căn cước; văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ Hội và các quy định khác của Hội và nộp hội phí theo quy định của Hội (nếu có). Hồ sơ đề đạt nguyện vọng gia nhập Hội có thể thực hiện theo hình thức chuyển đổi số theo quy định của pháp luật và của tổ chức Hội.

- Tổ chức Hội xem xét và quyết định kết nạp Hội viên.

- Tổ chức lễ công nhận hội viên theo Nghi thức Hội.

d. Việc xóa tên và rút tên trong danh sách hội viên (tại khoản 2 Điều 11)

- Hội viên rút tên trong danh sách hội viên khi hết tuổi Hội hoặc không có nguyện vọng hay điều kiện tham gia sinh hoạt Hội. Trước khi rút tên phải làm đơn gửi tổ chức Hội nơi sinh hoạt và bàn giao xong các công việc mà hội viên có liên quan đến tổ chức Hội. Tổ chức Hội xem xét, quyết định chấm dứt tư cách hội viên và thông báo bằng văn bản đến hội viên của Hội.

- Tổ chức Hội xem xét, quyết định khai trừ hội viên ra khỏi Hội đối với các trường hợp vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm nghiêm trọng Điều lệ và các quy định của Hội, làm tổn hại đến quyền lợi, uy tín và sự đoàn kết của Hội; bị tước quyền công dân theo quy định của pháp luật.

- Hội viên không tham gia sinh hoạt hoặc không đóng hội phí theo quy định của Điều lệ Hội và Hội cơ sở mà không có lý do chính đáng thì Tổ chức Hội xem xét, quyết định xóa tên trong danh sách hội viên, đồng thời báo cáo lên Ủy ban Hội cấp trên trực tiếp.

- Hội viên mất năng lực hành vi dân sự, tuyên bố mất tích hoặc chết đương nhiên không còn là Hội viên của Hội.

- Sau khi tổ chức Hội xem xét, quyết định, Người đứng đầu tổ chức Hội có trách nhiệm ký ban hành quyết định chấm dứt tư cách hội viên.

2. Hướng dẫn tổ chức lễ công nhận hội viên mới

a. Ý nghĩa

Thanh niên được công nhận là hội viên Hội LHTN Việt Nam, hay thành viên các loại hình sinh hoạt, hoạt động của tổ chức Hội (Câu lạc bộ, Tổ, Đội, Nhóm...) là sự kiện được ghi nhớ, trân trọng, tự hào của thanh niên, đồng thời cũng là sự nhận biết giữa hội viên với nhau, giữa hội viên với thanh niên.

b. Thủ tục công nhận hội viên

- Thanh niên tham gia sinh hoạt, thực hiện các chương trình, công việc của tổ chức Hội, đạt được những kết quả nổi bật, có đơn xin gia nhập Hội, được tập thể tín nhiệm và có sự giới thiệu của đại diện tổ chức Hội hoặc tổ chức Đoàn (nơi chưa có tổ chức Hội) xem xét ra quyết định công nhận hội viên. Thời gian xem xét và ra quyết định công nhận không quá 10 ngày kể từ khi nộp đơn xin gia nhập Hội.

- Việc giới thiệu thanh niên đề nghị công nhận hội viên phải được sự tín nhiệm đa số của đại diện tập thể thanh niên giới thiệu. Do đó việc chọn thanh niên đề nghị kết nạp vào Hội phải xem xét, cân nhắc trước khi đưa ra tập thể thanh niên trao đổi, thống nhất.

c. Tổ chức công nhận Hội viên

Tổ chức Hội có thể thực hiện hình thức công nhận Hội viên qua hệ thống Điện tử. Tuy nhiên để đảm bảo tính trân trọng, tổ chức Hội nghiên cứu tổ chức lễ công nhận Hội viên theo các bước:

- Bước chuẩn bị:

+ Tổ chức lễ công nhận thanh niên vào Hội phải thật gọn nhẹ, có thể chọn thời điểm kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày truyền thống của Hội, nhân chuyến hoạt động về nguồn, ngày ra quân làm công trình v.v...

+ Địa điểm không nhất thiết ở trong hội trường mà có thể ở địa điểm là nơi tổ chức làm công trình, nơi du khảo về nguồn, nơi tổ chức hoạt động truyền thống v.v...

+ Nơi tổ chức lễ công nhận hội viên mới phải đảm bảo các điều kiện: trang trí cờ Tổ quốc, ảnh Bác, biểu trưng của Hội, băng rôn hoặc khung bảng... ghi dòng chữ "*Lễ kết nạp hội viên mới*".

- Chương trình lễ công nhận:

+ Mở đầu buổi lễ hát các bài hát tập thể.

- + Chào cờ, hát Quốc ca, Hội ca (thực hiện theo nghi thức của Hội).
- + Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
- + Một đại diện của Hội hoặc cấp kết nạp hội viên giới thiệu tóm tắt về các thanh niên hay tổ chức được đề nghị công nhận hội viên và đọc quyết định công nhận, gắn huy hiệu Hội, trao thẻ hoặc giấy chứng nhận là hội viên (nếu có).
- + Hội viên mới tuyên thệ (nếu công nhận nhiều hội viên cùng lúc thì cử đại diện thay mặt tuyên thệ). Nội dung tuyên thệ:

Vinh dự là người hội viên Hội LHTN Việt Nam, trước tập thể Hội- tên gọi của cấp kết nạp) tôi (chúng tôi) xin hứa:

- * Là công dân tốt của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*
- * Phấn đấu theo mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vì hạnh phúc và sự tiến bộ của tuổi trẻ;*
- * Thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam;*
- * Luôn luôn giữ gìn uy tín và thanh danh của Hội;*

Khi đọc xong hô: *Xin hứa.*

- + Đại diện tổ chức Hội hoặc cấp kết nạp hội viên chúc mừng đón chào hội viên mới và giao nhiệm vụ. Phát biểu cảm tưởng của hội viên mới (nếu có).
- + Phát biểu của lãnh đạo (nếu có).
- + Tuyên bố kết thúc buổi lễ.
- d. Mẫu Quyết định công nhận hội viên mới (Theo mẫu chi tiết tại phần phụ lục tham khảo).*

3. Quyền ứng cử, đề cử của hội viên

a. Quyền ứng cử

- Mọi hội viên đều có quyền ứng cử và được các cấp bộ Hội hoặc tổ chức thành viên giới thiệu ứng cử để hiệp thương vào cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội.
- Hội viên không phải là đại biểu của Đại hội, Hội nghị đại biểu, nếu ứng cử vào Ủy ban Hội các cấp phải gửi đến Ủy ban Hội cấp triệu tập Đại hội, Hội nghị đại biểu hồ sơ ứng cử vào cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội, hồ sơ bao gồm: sơ yếu lý lịch và nhận xét của Ủy ban Hội cơ sở nơi mình đang sinh hoạt trong vòng 20 ngày trước khi tổ chức Đại hội, Hội nghị.
- Hồ sơ ứng cử vào cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội bao gồm:
 - + Đơn xin ứng cử: Trong đơn nêu rõ lý do vì sao muốn ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của Hội.
 - + Sơ yếu lý lịch
 - + Nhận xét của Ủy ban Hội cơ sở nơi mình đang sinh hoạt
 - + 2 ảnh 4x6 được chụp trong thời gian không quá 6 tháng

- Tại Đại hội toàn thể, mọi hội viên có quyền ứng cử để hiệp thương bầu làm đại biểu đi dự Đại hội Hội cấp trên. Tại Đại hội đại biểu, Hội nghị đại biểu, đại biểu chính thức có quyền ứng cử để hiệp thương bầu làm đại biểu đi dự Đại hội đại biểu hoặc Hội nghị đại biểu Hội cấp trên.

- Ủy viên Ủy ban Hội có quyền ứng cử để hiệp thương bầu vào các chức danh lãnh đạo của Hội cùng cấp.

b. Quyền đề cử

- Tại Đại hội, Hội nghị toàn thể hội viên, mọi hội viên đều có quyền đề cử người đủ tiêu chuẩn để hiệp thương bầu vào Ủy ban Hội và hiệp thương làm đại biểu đi dự Đại hội, Hội nghị đại biểu Hội cấp trên. Đại biểu chính thức của Đại hội đại biểu hoặc Hội nghị đại biểu có quyền đề cử người đủ tiêu chuẩn để hiệp thương vào Ủy ban Hội cùng cấp hoặc đề cử đại biểu chính thức vào danh sách hiệp thương bầu là đại biểu đi dự Đại hội, Hội nghị đại biểu Hội cấp trên. Người đề cử có trách nhiệm cung cấp thông tin, phiếu nhận xét, sơ yếu lý lịch của người được đề cử cho Đoàn chủ tịch Đại hội.

- Các Ủy viên Ủy ban Hội có quyền đề cử Ủy viên Ủy ban Hội cùng cấp để hiệp thương vào các chức danh lãnh đạo của Hội ở cấp bộ mình.

- Ủy ban Hội cấp triệu tập Đại hội được quyền giới thiệu danh sách để hiệp thương bầu vào Ủy ban Hội khoá mới và đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Hội cấp trên; có trách nhiệm báo cáo với Đại hội về công tác chuẩn bị nhân sự khoá mới và quá trình hiệp thương nhân sự.

- Khi đề cử người vào danh sách hiệp thương bầu làm Ủy viên Ủy ban Hội (đối với người được đề cử không phải là đại biểu của Đại hội), người đề cử phải cung cấp hồ sơ (đơn đề cử, sơ yếu lý lịch, nhận xét của Ủy ban Hội cấp cơ sở) của người được đề cử cho Ủy ban Hội cấp triệu tập Đại hội.

4. Việc quản lý hội viên

- Tổ chức cơ sở của Hội thực hiện quản lý danh sách Hội viên trên hệ thống Điện tử *(có mẫu chi tiết tại phần phụ lục)*.

- Hội thường xuyên giao nhiệm vụ của Hội cho hội viên.

- Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ giao cho hội viên, tổ chức Hội đánh giá biểu dương, khen thưởng những hội viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, đồng thời góp ý với những hội viên chưa hoàn thành nhiệm vụ.

II. HỘI VIÊN TỔ CHỨC

1. Đối tượng, điều kiện, thủ tục công nhận hội viên tổ chức

a. Khái niệm hội viên tổ chức (tại khoản 2 Điều 8)

Hội viên tổ chức là tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực thanh niên hoặc có liên quan đến thanh niên. Bao gồm cả các tổ chức thanh niên Việt Nam được thành lập theo

quy định pháp luật, đang học tập, lao động, công tác ở nước ngoài và tuân thủ pháp luật nước sở tại và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Người đại diện của hội viên tổ chức phải là công dân Việt Nam. Đối với hội viên tổ chức thì tuổi của hội viên được quy định cụ thể trong điều lệ của các tổ chức đó.

b. Quy trình kết nạp hội viên tổ chức (tại khoản 1 Điều 11)

- Điều kiện để trở thành hội viên tổ chức của Hội LHTN Việt Nam:
- + Có đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 8.
- + Tán thành Điều lệ Hội.
- + Tự nguyện gia nhập Hội.
- Thủ tục kết nạp hội viên đối với hội viên tổ chức:
- + Tổ chức làm đơn xin gia nhập Hội;
- + Bản sao công chứng: Điều lệ, Quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- + Danh sách lãnh đạo chủ chốt của tổ chức, công văn cử người đại diện và hồ sơ của người đại diện tổ chức tham gia Hội, bao gồm: Lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, bản sao có chứng thực căn cước công dân hoặc căn cước;
- + Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ Hội và các quy định khác của Hội;
- + Đóng hội phí theo quy định của Hội.
- + Toàn bộ hồ sơ xin gia nhập Hội gửi Đoàn Chủ tịch (ở Trung ương) hoặc Ban Thư ký (ở tỉnh) hoặc Ủy ban Hội (ở xã).
- + Đoàn Chủ tịch (ở Trung ương) hoặc Ban Thư ký (ở tỉnh) hoặc Ủy ban Hội (ở xã) xem xét và quyết định.

c. Việc xóa tên và rút tên trong danh sách hội viên (tại khoản 2 Điều 11)

- Việc rút tên Hội viên tổ chức khi tổ chức không có nguyện vọng hay điều kiện tham gia Hội: Trước khi rút tên phải làm đơn gửi tổ chức Hội và bàn giao xong các công việc có liên quan. Ủy ban Hội cùng cấp xem xét, quyết định chấm dứt tư cách hội viên tổ chức và thông báo bằng văn bản đến Ủy ban Hội, hội viên của Hội.

- Hội viên tổ chức bị tuyên bố giải thể hoặc đương nhiên không còn là hội viên của Hội.

- Sau khi tổ chức Hội xem xét, quyết định, người đứng đầu của tổ chức Hội có trách nhiệm ký ban hành quyết định chấm dứt tư cách hội viên tổ chức.

- Hội viên tổ chức khi bị giải thể thì Ủy ban Hội cấp trên giới thiệu hội viên có nhu cầu nguyện vọng về sinh hoạt tại hội viên tổ chức khác phù hợp.

2. Quan hệ giữa Hội và các hội viên tổ chức

a. Quan hệ giữa Ủy ban Hội và các hội viên tổ chức (tại Điều 20)

Điều 20 chương VI Điều lệ Hội quy định: "*Quan hệ giữa Ủy ban Hội và các hội viên tổ chức thực hiện theo nguyên tắc: Ủy ban Hội thống nhất chủ trương, chương trình hành động và hướng dẫn hội viên tổ chức thực hiện; hội viên tổ chức xây dựng chương trình phù hợp với chủ trương chung và báo cáo thường xuyên với Ủy ban Hội*". Cụ thể:

- Các hội viên tổ chức xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của tổ chức mình, bảo đảm phù hợp với chương trình chung của Hội LHTN Việt Nam.
- Định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi báo cáo kết quả hoạt động của tổ chức mình đến Ủy ban Hội cùng cấp.
- Tham gia ý kiến vào việc xây dựng các đề án nhân sự của Ủy ban Hội LHTN Việt Nam cùng cấp.
- Chủ động lựa chọn đại diện của mình để giới thiệu vào cơ quan lãnh đạo của Hội theo cơ cấu, tiêu chuẩn, số lượng đã hiệp thương thống nhất. Việc thay đổi hoặc rút tên đại diện hội viên tổ chức trong Ủy ban Hội cấp nào phải được Ủy ban Hội cấp đó thảo luận, thống nhất đề nghị cấp trên trực tiếp công nhận và thông báo cho Ủy ban Hội cấp dưới, các hội viên tổ chức biết.
- Các hội viên tổ chức dân chủ bàn bạc, thảo luận và hiệp thương thống nhất chương trình hành động chung.
- Phối hợp đóng góp nhân lực, tài chính để thực hiện chương trình chung của Hội LHTN Việt Nam.
- Các hội viên tổ chức có trách nhiệm tham gia các chương trình hoạt động của Hội phù hợp với đặc thù tổ chức mình.

b. Quan hệ giữa Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội LHTN Việt Nam (tại Điều 4)

Điều 4 chương I quy định: "*Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là hội viên tổ chức giữ vai trò nòng cốt chính trị trong xây dựng tổ chức và hoạt động của Hội*", cụ thể:

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam:
 - + Định hướng chính trị, tư tưởng trong mọi hoạt động của Hội thông qua tổ chức Đoàn các cấp.
 - + Lựa chọn và phân công cán bộ, đoàn viên đủ năng lực và phẩm chất để hiệp thương bầu vào làm nòng cốt trong Ủy ban Hội cùng cấp cũng như làm nòng cốt trong các tổ chức cơ sở của Hội.
 - + Tôn trọng và phát huy tính chủ động, sáng tạo của Hội, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí để Hội thực hiện tốt các chương trình hoạt động theo các mục tiêu đã thống nhất.

+ Đoàn chủ động tổ chức các hoạt động và huy động đoàn viên tham gia tích cực vào các chương trình chung do Hội tổ chức. Cán bộ, đoàn viên phải tích cực, gương mẫu trong các hoạt động của Hội.

- Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:

+ Hội lấy định hướng chính trị, tư tưởng của Đoàn làm cơ sở để xây dựng các cuộc vận động mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên và mở rộng hoạt động của Hội.

+ Tôn trọng vai trò nòng cốt của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

+ Vận động hội viên, thanh niên hưởng ứng các chương trình, phong trào do Đoàn phát động.

+ Tích cực tham gia xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh thông qua việc chủ động đóng góp ý kiến vào các chủ trương công tác của Đoàn và xây dựng chương trình hoạt động thống nhất chung; giới thiệu các hội viên tích cực, có nguyện vọng, đủ tiêu chuẩn để Đoàn xem xét kết nạp và đào tạo, bồi dưỡng bổ sung cho đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội.

PHẦN 2

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ TỔ CHỨC CỦA HỘI

I. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

1. Hội LHTN Việt Nam hoạt động trên phạm vi toàn quốc, trong lĩnh vực thanh niên theo quy định của pháp luật và chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, sự quản lý của các Bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật (tại Điều 4)

- Hội được phép tổ chức các hoạt động và triển khai chương trình, phong trào dành cho thanh niên ở Trung ương; tỉnh; xã.

- Hội chịu sự quản lý chính của Bộ Nội vụ, cơ quan có thẩm quyền quản lý về tổ chức và hoạt động của các Hội trên toàn quốc. Ngoài ra, Hội còn chịu sự quản lý, hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan đến từng lĩnh vực cụ thể mà Hội triển khai.

2. Hội LHTN Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản; đoàn kết, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch; tự bảo đảm kinh phí hoạt động; không vì mục đích lợi nhuận; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội (tại Điều 5)

Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là:

- Mọi thanh niên, hội viên tham gia vào tổ chức và hoạt động của Hội trên cơ sở tự nguyện.

- Hội hoạt động theo cơ chế tự quản, Hội các cấp chủ động trong tổ chức, điều hành và phát triển.

- Mọi cán bộ, hội viên của Hội đoàn kết chân thành, tôn trọng lẫn nhau, cùng thảo luận dân chủ, đi đến thống nhất khi quyết định các nội dung, chương trình, kế hoạch công tác của Hội, khi hiệp thương bầu vào các chức danh lãnh đạo của Hội ở các cấp và đại biểu đi dự Đại hội, Hội nghị đại biểu Hội cấp trên.

- Mọi cán bộ, hội viên của Hội có trách nhiệm đề xuất ý kiến, bàn bạc dân chủ và hợp tác bình đẳng trong quá trình xây dựng, thống nhất và triển khai các chương trình, hoạt động của Hội; cùng đóng góp nhân lực, tài chính để thực hiện hiệu quả.

- Hội chủ động xây dựng kế hoạch và kêu gọi sự hỗ trợ tài chính hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân để tổ chức các hoạt động. Nguồn tài chính phải là hợp pháp, được quản lý minh bạch, công khai, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả. Hội hoạt động không vì mục đích lợi nhuận và không dùng tài chính cho mục đích cá nhân.

- Mọi cán bộ, hội viên của Hội phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội. Mọi hoạt động phải phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ do Hội đề ra.

3. Cơ cấu tổ chức của Hội (tại Điều 12), gồm:

- Đại hội;
- Ủy ban;
- Đoàn Chủ tịch (ở Trung ương); Ban Thư ký (ở tỉnh)
- Ban Kiểm tra;
- Văn phòng, Văn phòng đại diện, các ban chuyên môn và tổ chức thuộc Hội;
- Tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

II. VIỆC TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CÁC CẤP

1. Hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ (bản chính)

- Văn bản của Hội báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ; nếu trong đại hội nhiệm kỳ có nội dung về đổi tên hội thì kèm theo đơn đề nghị đổi tên hội, trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết phải đổi tên hội.

- Nghị quyết của Ủy ban Hội về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ và việc đổi tên hội (nếu có).

- Dự thảo báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ mới của Hội; báo cáo kiểm điểm của Ủy ban Hội, Ban Kiểm tra (đối với cấp tỉnh) và báo cáo tài chính của Hội; báo cáo số lượng hội viên, trong đó nêu rõ số hội viên chính thức của Hội.

- Dự thảo điều lệ (sửa đổi, bổ sung) hoặc dự thảo điều lệ theo tên mới (nếu có).

- Đề án nhân sự, trong đó nêu rõ tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, dự kiến danh sách thành viên Ủy ban Hội, Ban Kiểm tra (đối với cấp tỉnh), các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội và chức danh khác (nếu có).

- Sơ yếu lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến là chủ tịch của hội mới; có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

- Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự Đại hội, dự kiến chương trình Đại hội.

- Ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với nhân sự là cán bộ, công chức, viên chức dự kiến tham gia Ủy ban Hội, Ban Thư ký, Ban Kiểm tra (đối với cấp tỉnh) hoặc giữ các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội.

- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của điều lệ Hội và quy định của pháp luật (nếu có).

2. Đại biểu của Đại hội

- Tư cách và trách nhiệm của đại biểu dự Đại hội: Đại biểu dự Đại hội các cấp (không kể Đại hội toàn thể hội viên ở cơ sở) là những người tiêu biểu, được hội viên tín nhiệm, cử thay mặt họ đi dự, tham luận và quyết định các vấn đề của Đại hội. Do vậy, đại biểu có trách nhiệm tích cực tham gia thảo luận, sáng suốt quyết định các nội dung của Đại hội, đồng thời tiếp thu đầy đủ nội dung Đại hội, sau đó báo cáo lại với Ủy ban Hội và hội viên, thanh niên ở địa phương đơn vị mình.

- Thành phần đại biểu dự Đại hội, Hội nghị đại biểu bao gồm: Ủy viên Ủy ban Hội đương nhiệm cùng cấp; đại biểu do tổ chức Hội cấp dưới hiệp thương bầu; các hội viên tổ chức hiệp thương bầu; các cá nhân tiêu biểu hoặc các cá nhân đại diện cho ngành, lĩnh vực do các ngành, cơ quan, đơn vị hiệp thương giới thiệu và đại biểu chỉ định.

+ Đại biểu là Ủy viên đương nhiệm của Ủy ban Hội cấp triệu tập Đại hội. Các đại biểu là Ủy viên Ủy ban Hội cấp triệu tập Đại hội sinh hoạt hoặc công tác ở đơn vị nào là đại biểu chính thức của đoàn đại biểu đó.

+ Đại biểu của tổ chức Hội cấp dưới và đại biểu do hội viên tổ chức hiệp thương bầu theo phân bổ số lượng của Ủy ban Hội cấp triệu tập Đại hội. Việc phân bổ đại biểu cần dựa trên các yếu tố: Số lượng hội viên cá nhân, số lượng hội viên tổ chức, số lượng thanh niên, tính đặc thù, những đặc điểm về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đơn vị và tổ chức... sao cho vừa có số lượng hợp lý vừa có cơ cấu thích hợp thể hiện tính mặt trận rộng rãi của các tầng lớp thanh niên.

+ Căn cứ vào đề án số lượng và thành phần đại biểu dự Đại hội do Ủy ban Hội cùng cấp quyết định, Thường trực Hội cấp triệu tập Đại hội có công văn đề nghị cơ quan, đơn vị hiệp thương giới thiệu làm đại biểu chính thức tham dự Đại hội.

+ Đại biểu chỉ định: Ủy ban Hội cấp triệu tập Đại hội được quyền chỉ định một số đại biểu có uy tín và ảnh hưởng tích cực đến phong trào thanh niên đi dự Đại hội. Không chỉ định những người đã bầu cử ở cấp dưới không trúng cử làm đại biểu của Đại hội. Số lượng đại biểu chỉ định không được vượt quá 10% so với tổng số đại biểu Đại hội triệu tập. Đại biểu chỉ định là thành viên của các đoàn đại biểu nơi đại biểu đó công tác.

+ Khi đại biểu chính thức (trừ Ủy viên Ủy ban Hội cấp triệu tập Đại hội) không đến Đại hội được thì đại biểu dự khuyết thay thế. Trường hợp đã thay thế hết số đại biểu dự khuyết thì Ủy ban Hội cấp triệu tập Đại hội xem xét, quyết định chỉ định bổ sung theo đề nghị của Ủy ban Hội cấp dưới.

3. Nhiệm kỳ Đại hội, Hội nghị đại biểu

- Đại hội, Hội nghị đại biểu từ cấp xã trở lên được tổ chức 5 năm 01 lần.
- Đại hội trong các trường Cao đẳng, Trung cấp Dạy nghề là 05 năm 02 lần.
- Đại hội, Hội nghị trong các chi hội, Câu lạc bộ, tổ, đội nhóm trong trường học là 01 năm 01 lần.
- Đại hội, Hội nghị trong các Chi hội, Câu lạc bộ, tổ, đội, nhóm ngoài trường học là 5 năm 2 lần.

- Lưu ý:

+ Trước khi hết nhiệm kỳ 30 ngày làm việc, Hội chưa tổ chức được Đại hội thì Hội phải báo cáo lý do với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định xem xét cho phép gia hạn thời gian tổ chức Đại hội. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng.

+ Hết thời gian gia hạn Hội không tổ chức Đại hội thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm theo hình thức giải thể Hội; trừ trường hợp bất khả kháng.

4. Việc kéo dài, rút ngắn nhiệm kỳ đại hội

- Về quyết định kéo dài, rút ngắn nhiệm kỳ đại hội Hội cấp tỉnh; cấp xã: Ủy ban Hội cấp trên xem xét, quyết định kéo dài, rút ngắn nhiệm kỳ đại hội Hội cấp dưới để phù hợp với nhiệm kỳ chung nhưng không quá nửa nhiệm kỳ của cấp đó.

- Đối với tổ chức Hội mới thành lập: Ủy ban Hội cấp trên trực tiếp có quyền quyết định điều chỉnh thời gian nhiệm kỳ Đại hội lần thứ nhất để phù hợp với thời gian nhiệm kỳ đại hội Hội cấp trên sau khi thống nhất với tổ chức Đoàn, cấp ủy Đảng, chính quyền cùng cấp (nếu có).

5. Trách nhiệm của Ủy ban Hội cấp triệu tập Đại hội

a. Chuẩn bị mọi mặt cho việc tổ chức Đại hội

- Quyết định Đề án tổ chức Đại hội; Đề án số lượng, cơ cấu đại biểu; Đề án xây dựng Ủy ban Hội khóa mới và giao lại cho Đoàn Chủ tịch (đối với Trung ương Hội), Ban Thư ký (đối với cấp tỉnh), Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội (đối với cấp xã) để tiến hành hiệp thương thống nhất với tổ chức Đoàn cùng cấp; Báo cáo

cấp ủy Đảng, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tổ chức thực hiện công việc chuẩn bị tiến hành Đại hội.

b. Đề án xây dựng Ủy ban Hội mới

- Tiến hành đánh giá, rút kinh nghiệm về hoạt động của Ủy ban Hội đương nhiệm.
- Căn cứ vào sự phát triển của tổ chức Hội và yêu cầu của mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên để dự kiến số lượng ủy viên phù hợp.
- Cơ cấu Ủy ban Hội phải bảo đảm các yêu cầu:
 - + Đảm bảo sự định hướng lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo của tổ chức Đoàn, Ủy ban Hội cấp trên đối với Ủy ban Hội cấp dưới.
 - + Tính đại diện cho các hội viên tổ chức.
 - + Tính tiêu biểu cho các tầng lớp thanh niên.
 - + Tính thiết thực, hiệu quả.

6. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch và Đoàn Thư ký Đại hội

Đoàn Chủ tịch và Đoàn Thư ký do Ủy ban Hội đương nhiệm hiệp thương giới thiệu và Đại hội quyết định có các nhiệm vụ sau :

a. Đoàn Chủ tịch Đại hội

- Điều khiển Đại hội theo chương trình đã được Đại hội quyết định.
- Hướng dẫn đại biểu Đại hội thảo luận các báo cáo của Ủy ban Hội, quyết định phương hướng, chương trình hành động của Hội và những vấn đề có liên quan.
- Chủ trì việc hiệp thương bầu Ủy ban Hội nhiệm kỳ mới; hiệp thương bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Hội cấp trên (nếu có).
- Giải quyết những vấn đề phát sinh trong Đại hội.
- Quyết định lưu hành tài liệu, kết luận các vấn đề của Đại hội, Hội nghị.
- Tổng kết Đại hội.

b. Đoàn Thư ký Đại hội

- Ghi biên bản Đại hội, tổng hợp các ý kiến phát biểu và biểu quyết.
- Dự thảo các văn bản của Đoàn Chủ tịch Đại hội.
- Nhận và đọc thư, điện chào mừng Đại hội.

7. Chương trình Đại hội (tại khoản 3 Điều 13)

Tuỳ theo điều kiện, đặc điểm và khả năng của các Ủy ban Hội để xây dựng chương trình Đại hội. Đại hội có thể diễn ra ngoài trời, trong hội trường, gắn với hoạt động của thanh niên... Tuy nhiên Đại hội nhất thiết phải thực hiện những phần sau:

- Thực hiện các bước theo nghi thức Hội đã được quy định.
- Hiệp thương bầu Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký Đại hội.

- Báo cáo số lượng đại biểu tham dự Đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội.

- Thông qua chương trình Đại hội, quy chế Đại hội, quy chế bầu cử

- Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Hội; báo cáo kiểm điểm của Ủy ban, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Hội.

- Thảo luận đổi tên Hội (nếu có); thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành.

- Thông qua Quyết định chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có).

- Phát biểu của cấp ủy Đảng, tổ chức Đoàn, Hội cấp trên (nếu có).

- Thông qua đề án nhân sự Đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ủy ban, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ủy ban, Ban Kiểm tra Hội.

- Hiệp thương bầu Ủy ban, Ban Kiểm tra Hội.

- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội (nếu có).

- Thông qua nghị quyết Đại hội.

- Bế mạc, tổng kết Đại hội.

8. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội (tại khoản 4 Điều 13)

- Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

- Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải đảm bảo trên $\frac{1}{2}$ số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành.

9. Thủ tục đề nghị công nhận kết quả Đại hội

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi kết thúc Đại hội, Ủy ban Hội khóa mới hoàn thiện hồ sơ báo cáo đơn vị có thẩm quyền công nhận kết quả Đại hội, hồ sơ bao gồm:

- Văn bản báo cáo kết quả đại hội theo mẫu của phụ lục, trong đó có đề nghị phê duyệt điều lệ hội (nếu có);

- Dự thảo điều lệ hoặc dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo mẫu của phụ lục (nếu có);

- Biên bản đại hội; biên bản hiệp thương bầu Ủy ban, Ban Thư ký, Ban Kiểm tra và các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội (có danh sách kèm theo);

- Sơ yếu lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến là chủ tịch của hội mới theo mẫu của phụ lục; có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

- Chương trình hoạt động của hội;

- Nghị quyết đại hội.

Đồng thời Ủy ban Hội khóa mới hoàn tất hồ sơ để Ủy ban Hội cấp trên trực tiếp công nhận Ủy ban Hội khóa mới. Hồ sơ gồm:

- Công văn đề nghị Ủy ban Hội cấp trên công nhận Ủy ban Hội, Ban Kiểm tra nhiệm kỳ mới.

- Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo (Đã tiếp thu ý kiến của Đại hội).

- Danh sách trích ngang Ủy ban Hội mới, có chữ ký của người thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, có đóng dấu treo, ghi theo thứ tự chức danh: Chủ tịch Hội, Phó Chủ tịch, các Ủy viên Ban Thư ký (đối với cấp tỉnh), các ủy viên Ủy ban Hội và Ban Kiểm tra, các chức danh chủ chốt Ban Kiểm tra.

- Danh sách đoàn đại biểu đi dự Đại hội Hội cấp trên (nếu có).

- Biên bản Đại hội, biên bản họp Ủy ban Hội phiên thứ nhất.

III. HIỆP THƯƠNG BẦU ỦY BAN HỘI CÁC CẤP

1. Quyền giới thiệu nhân sự

- Mọi hội viên đều có quyền giới thiệu đại biểu mà mình tin nhiệm vào danh sách hiệp thương, hiệp thương bầu vào Ủy ban Hội nơi mình sinh hoạt (theo quy định tại quyền ứng cử của hội viên tại khoản 3a mục I phần I Hướng dẫn này).

- Tổ chức Đoàn cùng cấp có quyền cử nhân sự có đủ điều kiện và được tin nhiệm để hiệp thương tham gia Ủy ban Hội khóa mới.

- Các hội viên tổ chức có quyền cử đại diện của mình vào Ủy ban Hội cấp mình tham gia.

- Ủy ban Hội cấp dưới có quyền giới thiệu nhân sự được tin nhiệm ở cấp mình vào danh sách hiệp thương bầu Ủy ban Hội cấp trên trực tiếp.

- Theo đề nghị của Ủy ban Hội đương nhiệm, cơ quan, đơn vị giới thiệu nhân sự để hiệp thương vào Ủy ban Hội khóa mới.

- Ủy ban Hội đương nhiệm có trách nhiệm chuẩn bị cho việc hiệp thương bầu, được quyền giới thiệu người đủ tiêu chuẩn vào Ủy ban Hội nhiệm kỳ mới.

- Khi giới thiệu người vào danh sách hiệp thương, người hoặc tổ chức giới thiệu có trách nhiệm cung cấp hồ sơ của người được giới thiệu theo yêu cầu của Đại hội, Hội nghị.

2. Trách nhiệm hiệp thương bầu Ủy ban Hội và các chức danh lãnh đạo của Hội ở các cấp

2.1. Ủy ban Hội

- Đại hội, Hội nghị cấp Hội nào hiệp thương bầu Ủy ban Hội cấp đó.

- Hiệp thương bầu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, các chức danh lãnh đạo:

- + Ủy ban Trung ương Hội hiệp thương bầu ra Đoàn Chủ tịch, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch. Đoàn Chủ tịch có Thường trực gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và

các ủy viên Đoàn Chủ tịch chuyên trách thay mặt Đoàn Chủ tịch điều hành công việc hàng ngày của Hội

- + Ủy ban Hội cấp tỉnh và tương đương hiệp thương bầu ra Ban Thư ký trong số các Ủy viên Ủy ban Hội cùng cấp gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch. Hội LHTN Việt Nam cấp tỉnh có Thường trực Hội gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch chuyên trách, các Ủy viên Ban Thư ký chuyên trách để thay mặt Ban Thư ký điều hành công việc hàng ngày của Hội.

- + Ủy ban Hội cấp xã hiệp thương bầu ra Chủ tịch, các Phó Chủ tịch để điều hành công việc hàng ngày của Ủy ban Hội.

- + Chi hội cử ra Chi hội trưởng, Chi hội phó; các Câu lạc bộ, tổ, đội nhóm cử ra Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, tổ trưởng, tổ phó, đội trưởng, đội phó, nhóm trưởng, nhóm phó để điều hành công việc hàng ngày.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Hội (tại khoản 3 Điều 14):

- + Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

- + Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

- + Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

- + Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban, Đoàn Chủ tịch, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội, các quy chế khác và quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

- + Hiệp thương bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Đoàn Chủ tịch ở Trung ương, Ủy viên Ban Thư ký ở tỉnh, Ủy viên Ủy ban, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, Ủy viên Ban Kiểm tra; hiệp thương bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban, Ban Kiểm tra.

- + Hiệp thương bầu Trưởng Ban, Phó Ban Kiểm tra; Hiệp thương bầu bổ sung Trưởng Ban, Phó Ban Kiểm tra trong nhiệm kỳ khi có sự thay đổi;

- + Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội và quy chế hoạt động của Ủy ban Hội.

2.2. Ban Kiểm tra của Hội

- Đại hội, Hội nghị cấp Hội nào hiệp thương bầu ra Ban Kiểm tra của cấp đó (tại khoản 1 Điều 16); Ủy ban Hội hiệp thương bầu ra chức danh chủ chốt Ban Kiểm tra, cụ thể:

+ Đại hội đại biểu Hội LHTN Việt Nam cấp Trung ương hiệp thương bầu ra Ban Kiểm tra, trong số các Ủy viên Ủy ban Hội; số lượng Ban Kiểm tra do Đại Hội quyết định. Ủy ban Trung ương Hội hiệp thương bầu ra các chức danh chủ chốt Ban Kiểm tra bao gồm Trưởng ban và các Phó trưởng ban, trong số các Ủy viên Ban Kiểm tra.

+ Tại Đại hội hiệp thương bầu ra Ban Kiểm tra trong số các Ủy viên Ủy ban Hội, cấp tỉnh có số lượng không quá 05 người, cấp xã có số lượng không quá 03 người trong đó có Trưởng ban và phó trưởng ban. Hiệp thương bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban kiểm tra được thực hiện tại Hội nghị Ủy ban Hội.

- Tại khoản 2 Điều 16, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra gồm:

+ Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ủy ban, Đoàn Chủ tịch, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức thuộc Hội, hội viên;

+ Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hội, hội viên, các tổ chức thuộc Hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại tố cáo của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Tổng hợp, đề nghị Đoàn Chủ tịch, Ủy ban Hội xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Đoàn Chủ tịch, Ủy ban Hội. Trường hợp không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;

+ Ban Kiểm tra thông báo kết quả kiểm tra đến Đoàn Chủ tịch, Ủy ban Hội; tổng hợp báo cáo Đại hội kết quả kiểm tra của Hội trong nhiệm kỳ.

3. Các bước tiến hành hiệp thương bầu Ủy ban Hội và các chức danh lãnh đạo của Hội ở các cấp

Bước 1: Ủy ban Hội đương nhiệm xây dựng Đề án tổ chức Ủy ban Hội (tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng) và cơ quan Thường trực nhiệm kỳ mới, gồm các vấn đề cơ bản sau:

- Số lượng gồm:

+ Tổng số Ủy viên Ủy ban Hội, số lượng Thường trực; số lượng này tùy thuộc tình hình cụ thể để đáp ứng việc điều hành công việc hàng ngày của Hội và việc mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên. Số lượng Ủy ban Hội cấp tỉnh, cấp xã do Đại hội của cấp đó quyết định, đảm bảo có sự tham gia của đại diện tất cả các thành viên tổ chức; các đơn vị thành viên tập thể; một số cá nhân tiêu biểu (khuyến khích có đa dạng các thành phần thanh niên: thanh niên Dân tộc thiểu số; thanh niên tín đồ tôn giáo; thanh niên công nhân; thanh niên khuyết tật...).

+ Ủy ban Hội cấp tỉnh hiệp thương bầu Ban Thư ký, Số lượng Ban Thư ký không quá 1/3 số lượng Ủy viên Ủy ban Hội.

+ Ủy ban Hội cấp tỉnh hiệp thương bầu không quá 02 phó chủ tịch chuyên trách là cán bộ tỉnh đoàn. Số lượng Phó chủ tịch không chuyên trách do Hội tự quyết định nhưng không quá 06 phó chủ tịch; Ủy ban Hội cấp xã hiệp thương bầu 01 phó chủ tịch chuyên trách là thanh niên làm trong cơ quan nhà nước, đơn vị hành chính, sự nghiệp, công an, quân đội tiêu biểu. Số lượng phó chủ tịch không chuyên trách do hội tự quyết định nhưng không quá 02 Phó chủ tịch; Phó Chủ tịch không chuyên trách cơ cấu có thể là: đại diện các tổ chức thành viên, cá nhân tiêu biểu có uy tín trên các lĩnh vực...

+ Tại Đại hội hiệp thương bầu ra Ban Kiểm tra trong số các Ủy viên Ủy ban Hội, cấp tỉnh có số lượng không quá 05 người, cấp xã có số lượng không quá 03 người trong đó có Trưởng ban và phó trưởng ban. Hiệp thương bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban kiểm tra được thực hiện tại Hội nghị Ủy ban Hội lần thứ nhất.

- Tiêu chuẩn cơ bản của các Ủy viên Ủy ban Hội các cấp là:

+ Có lòng yêu nước, lập trường tư tưởng vững vàng và kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Có kiến thức và năng lực tham gia xây dựng các quyết định của Ủy ban Hội; nắm vững và vận dụng chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng vào thực tiễn công tác Hội. Có kỹ năng, nghiệp vụ công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên; phương pháp công tác sâu sát cơ sở, hiểu được tâm tư nguyện vọng của thanh niên; có khả năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của thanh niên.

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ, dân chủ, lối sống trung thực lành mạnh; nắm vững và thực hiện tốt Điều lệ Hội; có trách nhiệm và nhiệt tình với công tác Hội.

+ Đối với ủy viên là cán bộ Đoàn, Hội chủ chốt phải được rèn luyện và trưởng thành từ thực tiễn phong trào thanh niên; gương mẫu trong học tập, công tác, lao động, rèn luyện, có uy tín trong thanh niên, được thanh niên và tổ chức, đơn vị tín nhiệm giới thiệu.

+ Đối với ủy viên là cá nhân tiêu biểu đại diện cho các tầng lớp, thành phần thanh niên trên các lĩnh vực của đời sống xã hội phải là người thật sự có uy tín, có sức ảnh hưởng, truyền cảm hứng tích cực trong thanh niên và cộng đồng, đã được tôn vinh, ghi nhận bởi các tổ chức có uy tín.

+ Có điều kiện tham gia các hoạt động của Ủy ban Hội.

- Cơ cấu: Trong cơ cấu chung có đại diện các hội viên tổ chức, đại diện Ủy ban Hội cấp dưới trực tiếp, đại diện các tầng lớp thanh niên, các ngành, lĩnh vực. Chú ý cơ cấu hợp lý số Ủy viên cũ/Ủy viên mới; tỷ lệ nam/nữ và độ tuổi để đảm bảo tính kế thừa.

Bước 2: Tiến hành các thủ tục giới thiệu nhân sự.

- Thống nhất quy trình và thời gian đề Ủy ban Hội cấp dưới trực tiếp, các hội viên tổ chức và các ngành hiệp thương bầu đại diện của mình tham gia vào Ủy ban Hội nhiệm kỳ mới.

- Ủy ban Hội đương nhiệm hiệp thương với tổ chức Đoàn cùng cấp về Đề án xây dựng Ủy ban Hội nhiệm kỳ mới, đề nghị tổ chức Đoàn cùng cấp giới thiệu nhân sự của mình để hiệp thương bầu vào chức vụ chủ chốt của Hội. Sau đó Thường trực Ủy ban Hội và Lãnh đạo chủ chốt của tổ chức Hội báo cáo với cấp ủy Đảng, chính quyền cùng cấp xin ý kiến về phương hướng xây dựng Ủy ban Hội nhiệm kỳ mới và chức danh chủ chốt của Hội.

- Căn cứ vào đề án xây dựng Ủy ban Hội đã được thông qua, Ủy ban Hội đương nhiệm có văn bản hướng dẫn Ủy ban Hội cấp dưới trực tiếp, hội viên tổ chức và công văn gửi các ngành, các giới có liên quan giới thiệu đại diện của mình tham gia Ủy ban Hội nhiệm kỳ mới.

- Ủy ban Hội đương nhiệm lập danh sách và trao đổi ý kiến, thống nhất với tổ chức Đoàn cùng cấp trước khi tiến hành Đại hội.

- Gửi báo cáo lên Ủy ban Hội cấp trên.

Bước 3: Hiệp thương bầu Ủy ban Hội tại Đại hội.

- Đoàn Chủ tịch Đại hội hoặc người chủ trì Hội nghị trình bày báo cáo về quá trình chuẩn bị nhân sự và kết quả hiệp thương giới thiệu nhân sự để đại biểu thảo luận xem xét, sau đó thông qua bằng biểu quyết giơ tay (chung cho cả danh sách). Khi có trên 1/2 số đại biểu được triệu tập tham dự Đại hội, Hội nghị tán thành thì việc nhân sự vào Ủy ban Hội mới có giá trị.

- Trường hợp cá biệt không thống nhất về nhân sự cụ thể nào đó thì xử lý như sau:

+ Nếu nhân sự đó là đại diện của Ủy ban Hội cấp dưới trực tiếp hoặc hội viên tổ chức nhưng không đảm bảo tiêu chuẩn do Ủy ban Hội đương nhiệm đã thống nhất thì yêu cầu tổ chức giới thiệu người khác thay thế.

+ Nếu người được giới thiệu vẫn đủ tiêu chuẩn và Ủy ban Hội cấp dưới hoặc hội viên tổ chức vẫn bảo lưu việc giới thiệu, sau khi thảo luận trong Đại hội thì tiến hành biểu quyết riêng trường hợp đó (có thể bằng giơ tay hoặc bằng phiếu kín theo yêu cầu của Đại hội).

Bước 4: Hiệp thương bầu Thường trực Ủy ban Hội các cấp.

- Quá trình hiệp thương bầu Thường trực Ủy ban Hội giống như việc chuẩn bị Ủy ban Hội cùng cấp.

- Việc hiệp thương bầu nhân sự Thường trực tiến hành tại cuộc họp Ủy ban Hội lần thứ nhất. Người triệu tập và điều hành cuộc họp nêu yêu cầu, tiêu chuẩn cần có của Chủ tịch Hội nhiệm kỳ mới (tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch

Hội quy định tại khoản 2 Điều 17), kết quả hiệp thương giới thiệu của Ủy ban Hội nhiệm kỳ cũ và tổ chức Đoàn cùng cấp về nhân sự giữ chức vụ Chủ tịch Hội nhiệm kỳ mới.

- Sau khi được hiệp thương bầu, Chủ tịch mới chủ trì Hội nghị. Hội nghị tiếp tục hiệp thương bầu các chức danh còn lại: các Phó Chủ tịch, các Ủy viên Đoàn Chủ tịch (đối với cấp Trung ương); Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thư ký (đối với cấp tỉnh); Phó Chủ tịch (đối với cấp xã).

- Nếu qua thảo luận có trường hợp không nhất trí với nhau được thì có thể để lại để chuẩn bị tiếp hoặc tiến hành biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín về trường hợp đó theo Quyết định của Hội nghị.

IV. HIỆP THƯƠNG BẦU ĐOÀN ĐẠI BIỂU ĐI DỰ ĐẠI HỘI, HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU HỘI CẤP TRÊN

- Căn cứ vào số lượng, cơ cấu, yêu cầu của việc hiệp thương bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội, Hội nghị đại biểu Hội cấp trên, Ủy ban Hội làm việc với tổ chức Đoàn cùng cấp tiến hành chuẩn bị nhân sự trình Đại hội.

- Đoàn Chủ tịch Đại hội hoặc người chủ trì Hội nghị báo cáo với Đại hội, Hội nghị về quyết định phân bổ đại biểu của Ủy ban Hội cấp trên và việc chuẩn bị nhân sự để thảo luận xem xét, sau đó thông qua bằng biểu quyết giơ tay (chung cho cả danh sách). Việc hiệp thương bầu phải được quá nửa số đại biểu triệu tập tham dự Đại hội, Hội nghị tán thành.

- Trường hợp không thống nhất về nhân sự cụ thể hoặc Đại hội, Hội nghị giới thiệu thêm ngoài danh sách nhân sự đã được chuẩn bị thì thực hiện như sau :

- + Nhân sự được giới thiệu phải là đại biểu chính thức của Đại hội, Hội nghị. Nếu nhân sự được giới thiệu không đảm bảo yêu cầu về cơ cấu thì yêu cầu giới thiệu lại.

- + Đoàn Chủ tịch Đại hội, người chủ trì Hội nghị có quyền cho phép rút tên hay không rút tên trong danh sách đề cử (sau khi người được đề cử hay người đề cử xin rút).

- + Nếu có ý kiến trái ngược nhau trong Đại hội, Hội nghị nhưng người được giới thiệu vẫn đủ tiêu chuẩn và tập thể hay cá nhân người giới thiệu vẫn bảo lưu việc giới thiệu thì tiến hành thảo luận và biểu quyết riêng trường hợp đó (có thể bằng giơ tay hoặc bằng phiếu kín theo yêu cầu của Đại hội).

V. VIỆC RÚT TÊN VÀ BỔ SUNG ỦY VIÊN ỦY BAN HỘI, CHỦ TỊCH HỘI, PHÓ CHỦ TỊCH HỘI, ỦY VIÊN ĐOÀN CHỦ TỊCH, ỦY VIÊN BAN THƯ KÝ CỦA ỦY BAN HỘI CÁC CẤP

Việc này áp dụng chung cho Ủy viên Ban Kiểm tra và Trưởng Ban kiểm tra các cấp tương đương.

1. Việc rút tên, xóa tên và cho thôi chức vụ trong danh sách Ủy ban Hội

- Ủy viên Ủy ban Hội chuyển khỏi công tác Hội thì đương nhiên thôi tham gia Ủy ban Hội các cấp tại thời điểm quyết định chuyển công tác có hiệu lực.

- Đối với Ủy viên Ủy ban chuyển công tác trong hệ thống Hội:

+ Trường hợp Ủy viên Ủy ban Hội cấp dưới (không là Ủy viên Ủy ban Hội cấp trên) khi chuyển công tác lên cơ quan chuyên trách Hội cấp trên thì đương nhiên thôi tham gia Ủy ban Hội cấp dưới.

+ Trường hợp Ủy viên Ủy ban Hội cấp dưới đồng thời là Ủy viên Ủy ban Hội cấp trên nếu chuyển công tác lên cơ quan chuyên trách Hội cấp trên thì đương nhiên thôi tham gia Ủy ban Hội cấp dưới; việc tham gia hay không tham gia Ủy ban Hội cấp trên do Ủy ban Hội cấp trên quyết định.

+ Trường hợp Ủy viên Ủy ban Hội cấp trên (không là Ủy viên Ủy ban Hội cấp dưới) chuyển công tác xuống Hội cấp dưới thì việc có giữ tên trong Ủy ban Hội cấp trên không do Ủy ban Hội cấp trên quyết định.

+ Trường hợp Ủy viên Ủy ban Hội chuyển sang tổ chức Hội ngang cấp việc tiếp tục tham gia Ủy ban Hội cấp cũ hay không do Ủy ban Hội cấp trên quyết định.

- Đối với các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội các cấp trước khi thôi tham gia Ủy ban Hội phải báo cáo cấp ủy Đảng (ở nơi có cấp ủy đảng), tổ chức Đoàn cùng cấp và Hội cấp trên trực tiếp.

- Nếu rút tên một người nào đó trong Ủy ban Hội thì người đó không còn là Ủy viên Đoàn Chủ tịch (cấp Trung ương), Ủy viên Thư ký (cấp tỉnh), Phó Chủ tịch, Chủ tịch (nếu có). Nếu thôi giữ chức Phó Chủ tịch, Ủy viên Thư ký thì vẫn còn là Ủy viên Ủy ban Hội.

- Trường hợp Ủy viên Ủy ban Hội là đại diện của hội viên tổ chức, hoặc đại diện của Ủy ban Hội cấp dưới trực tiếp không còn giữ chức vụ trong tổ chức mình nữa thì thôi giữ chức Ủy viên Ủy ban Hội cấp trên. Ủy ban Hội cấp dưới trực tiếp được quyền hiệp thương bầu người khác thay thế.

2. Việc bổ sung, kiện toàn

- Trường hợp bổ sung thay thế những người đã rút tên, xóa tên trong danh sách Ủy ban Hội, thôi giữ chức vụ thực hiện theo hướng dẫn trên (mục III phần 2).

- Số thành viên Ủy ban, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) số lượng thành viên Ủy ban, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định.

3. Việc hiệp thương bầu người giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thư ký, Ủy viên Ban Kiểm tra

- Nếu người được hiệp thương giới thiệu giữ các chức vụ trên là Ủy viên Ủy ban Hội cùng cấp thì Ủy ban Hội cấp đó thảo luận, thông qua bằng biểu quyết, sau đó có văn bản đề nghị lên Ủy ban Hội cấp trên công nhận.

- Nếu người được giới thiệu giữ các chức vụ trên chưa phải là Ủy viên Ủy ban Hội cùng cấp, thì Ủy ban Hội cấp đó thảo luận thông qua việc bổ sung vào Ủy ban Hội. Sau đó thảo luận biểu quyết chức vụ khác trong Ủy ban Hội và có văn bản trình lên Ủy ban Hội cấp trên công nhận.

3.1. Quy trình kiện toàn, bổ sung Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Hội

Bước 1: Căn cứ vào tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng của đề án xây dựng chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch đã được thông qua, Ủy ban Hội giới thiệu nhân sự dự kiến kiện toàn, bổ sung chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Hội.

Bước 2: Ủy ban Hội hiệp thương với tổ chức Đoàn cùng cấp về nhân sự dự kiến kiện toàn bổ sung. Thường trực Ủy ban Hội báo cáo, xin ý kiến cấp ủy theo phân cấp quản lý cán bộ.

Bước 3: Ủy ban Hội báo cáo, xin ý kiến Hội cấp trên về nhân sự dự kiến kiện toàn bổ sung. Hồ sơ bao gồm:

- Công văn xin chủ trương về việc kiện toàn, bổ sung chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội (nếu có).

- Danh sách trích ngang nhân sự bổ sung.

- Ý kiến thống nhất của tổ chức Đoàn cùng cấp; cấp ủy cùng cấp đối với nhân sự kiện toàn.

Bước 4: Sau khi có ý kiến thống nhất của Ủy ban Hội cấp trên, Ủy ban Hội có nhân sự dự kiến kiện toàn tiến hành quy trình hiệp thương theo quy định và hoàn thiện hồ sơ đề nghị Ủy ban Hội cấp trên có Quyết định công nhận.

3.2. Đối với việc kiện toàn Ủy viên Ủy ban Hội, Ủy viên Ban Thư ký (cấp tỉnh), Ủy viên Ban Kiểm tra Ủy ban Hội

Bước 1: Căn cứ vào tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng của đề án xây dựng Ủy ban Hội, Ban Kiểm tra đã được Đại hội thông qua; căn cứ đề án Ban Thư ký (cấp tỉnh) đã được Hội nghị Ủy ban Hội lần thứ nhất thông qua, Ủy ban Hội giới thiệu nhân sự dự kiến kiện toàn, bổ sung Ủy viên Ủy ban Hội, Ủy viên Ban Thư ký, Ủy viên Ban Kiểm tra.

Bước 2: Ủy ban Hội hiệp thương với tổ chức Đoàn cùng cấp về nhân sự dự kiến kiện toàn bổ sung.

Bước 3: Ủy ban Hội tiến hành quy trình hiệp thương theo quy định và có văn bản đề nghị Hội cấp trên có Quyết định công nhận.

3.3. Hồ sơ đề nghị công nhận kiện toàn, bổ sung

Sau khi kết thúc Hội nghị 30 ngày làm việc, đơn vị có nhân sự được kiện toàn, bổ sung gửi Hồ sơ đề nghị Hội cấp trên công nhận kết quả kiện toàn, bổ sung nhân sự bao gồm:

- Công văn đề nghị Ủy ban Hội cấp trên về việc kiện toàn, bổ sung.
- Danh sách trích ngang nhân sự bổ sung vào Ủy ban Hội, Ban Thư ký, Ban Kiểm tra hoặc chức danh chủ chốt của Hội.
- Văn bản thống nhất kiện toàn nhân sự của cấp ủy cùng cấp (đối với nhân sự chủ chốt).
- Biên bản Hội nghị.

PHẦN 3

QUY TRÌNH THÀNH LẬP TỔ CHỨC HỘI

I. THÀNH LẬP HỘI MỚI

1. Ban vận động thành lập tổ chức Hội

1.1. Tổ chức, công dân Việt Nam có nhu cầu thành lập tổ chức Hội phải thành lập ban vận động thành lập tổ chức Hội (trong đó dự kiến Trưởng ban, Phó trưởng ban và các Ủy viên) và đề nghị cơ quan có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập Hội.

1.2. Thành viên ban vận động thành lập Hội là tổ chức, công dân Việt Nam tâm huyết, trách nhiệm, hoạt động trong lĩnh vực tổ chức Hội dự kiến hoạt động. Các thành viên ban vận động thành lập tổ chức Hội phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đối với tổ chức: Được thành lập hợp pháp, có điều lệ hoặc văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; có đơn tham gia ban vận động thành lập tổ chức Hội. Có nghị quyết của tập thể lãnh đạo hoặc quyết định của người đứng đầu có thẩm quyền về việc tham gia ban vận động thành lập tổ chức Hội và cử người đại diện tham gia thành viên ban vận động thành lập Hội. Người được cử làm đại diện là công dân Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đảm bảo sức khỏe và không có án tích.

- Đối với công dân: có đơn tham gia ban vận động thành lập Hội, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đảm bảo sức khỏe và không có án tích.

- Đối với thành viên ban vận động thành lập tổ chức Hội là cán bộ, công chức, viên chức phải được sự đồng ý cho tham gia ban vận động thành lập tổ chức Hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

- Trưởng ban vận động thành lập tổ chức Hội là người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kinh nghiệm, có uy tín, am hiểu trong lĩnh vực tổ chức Hội dự kiến hoạt động và sống thường trú tại Việt Nam.

1.3. Số thành viên ban vận động thành lập hội được quy định như sau:

- Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh có ít nhất 10 thành viên đảm bảo tính đại diện cho các vùng, miền.
- Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 05 thành viên tại hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên;
- Hội hoạt động trong phạm vi xã có ít nhất 03 thành viên.
- Ban vận động thành lập tổ chức Hội, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên.

1.4. Ban vận động thành lập tổ chức Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận khi đáp ứng được các điều kiện sau:

- Tên gọi của ban vận động thành lập tổ chức Hội được viết bằng tiếng Việt hoặc phiên âm theo tiếng Việt, nếu không phiên âm ra được tiếng Việt thì dùng tiếng nước ngoài; tên gọi riêng của tổ chức Hội có thể được phiên âm, dịch ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật. Phù hợp với tôn chỉ, mục đích, phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính của Hội. Không trùng lặp toàn bộ tên gọi hoặc gây nhầm lẫn, bao trùm tên gọi với các Hội khác đã được thành lập hợp pháp trước đó. Không vi phạm đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa dân tộc.

- Lĩnh vực hoạt động chính không trùng lặp với lĩnh vực hoạt động chính của Hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trong cùng phạm vi hoạt động.

- Có tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động phù hợp quy định pháp luật.

1.5. Ban vận động thành lập tổ chức Hội có trách nhiệm:

- Vận động tổ chức, công dân Việt Nam đăng ký tham gia thành lập tổ chức Hội theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định công nhận ban vận động thành lập tổ chức Hội có hiệu lực, ban vận động thành lập tổ chức Hội hoàn thiện 01 bộ hồ sơ thành lập hội theo quy định tại mục 2.1 phần 3 này gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.6. Ban vận động thành lập tổ chức Hội tự giải thể sau khi tổ chức Đại hội thành lập bầu ra các cơ quan Lãnh đạo Hội.

2. Hồ sơ, thủ tục và thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập tổ chức Hội

2.1. Hồ sơ đề nghị công nhận ban vận động thành lập tổ chức Hội được lập thành 01 bộ, gồm:

- Đơn đề nghị công nhận ban vận động thành lập tổ chức Hội (bản gốc), trong đơn nêu rõ tên tổ chức Hội, sự cần thiết thành lập tổ chức Hội, tôn chỉ, mục đích của tổ chức Hội, lĩnh vực chính mà tổ chức Hội dự kiến hoạt động, phạm vi

hoạt động, dự kiến thời gian chuẩn bị thành lập tổ chức Hội và nơi tạm thời làm địa điểm tổ chức Hội họp.

- Danh sách trích ngang (bản gốc) của những người dự kiến trong ban vận động thành lập tổ chức Hội, gồm: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quê quán; trình độ văn hóa; trình độ chuyên môn; chức vụ, đơn vị công tác (nếu có); chức danh trong ban vận động thành lập tổ chức Hội; địa chỉ thường trú hoặc tạm trú; số điện thoại liên hệ và tài liệu liên quan (bản chính) theo quy định tại mục 1.2 phần 3 này.

- Sơ yếu lý lịch cá nhân và phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) của các thành viên ban vận động thành lập tổ chức Hội không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ; nếu thành viên ban vận động thành lập tổ chức Hội là cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền đồng ý cho tham gia ban vận động thành lập tổ chức Hội bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì không phải nộp phiếu lý lịch tư pháp số 1.

- Ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia ban vận động thành lập tổ chức Hội (bản chính).

2.2. Thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập tổ chức Hội

- Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà tổ chức Hội dự kiến hoạt động quyết định công nhận ban vận động thành lập tổ chức Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận ban vận động thành lập tổ chức Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi xã.

2.3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại mục 2.2 phần 3 này lấy ý kiến các cơ quan có liên quan đến hoạt động của tổ chức Hội, xem xét hồ sơ và quyết định công nhận ban vận động thành lập tổ chức Hội, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.4. Hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định công nhận ban vận động thành lập tổ chức Hội có hiệu lực, ban vận động thành lập tổ chức Hội không hoàn thiện hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì quyết định công nhận ban vận động thành lập tổ chức Hội đương nhiên hết hiệu lực.

3. Hồ sơ, thủ tục thành lập tổ chức Hội

3.1. Hồ sơ đề nghị thành lập hội được lập thành 01 bộ, gồm:

- Đơn đề nghị thành lập tổ chức Hội theo mẫu kèm theo Hướng dẫn này (bản gốc)

- Dự thảo điều lệ.

- Quyết định công nhận ban vận động thành lập tổ chức Hội kèm theo danh sách thành viên ban vận động thành lập tổ chức Hội (bản chính).

- Danh sách và đơn đăng ký tham gia thành lập tổ chức Hội của tổ chức, công dân Việt Nam đăng ký tham gia thành lập tổ chức Hội (bản gốc).

- Sơ yếu lý lịch cá nhân và phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) của Trưởng ban vận động thành lập tổ chức Hội không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

- Ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia làm trưởng ban vận động thành lập tổ chức Hội (bản chính);

- Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp nơi dự kiến đặt trụ sở của tổ chức Hội theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

- Bản kê khai tài sản thành lập tổ chức Hội (bản gốc) của ban vận động thành lập tổ chức Hội tự nguyện đóng góp (nếu có).

- Bản cam kết đảm bảo kinh phí hoạt động trong nhiệm kỳ lần thứ nhất của tổ chức Hội nếu được thành lập (bản gốc).

3.2. Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp theo quy định tại mục 3.1 phần 3 này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phối hợp với các cơ quan có liên quan đến hoạt động của tổ chức Hội quyết định cho phép thành lập tổ chức Hội; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Thời gian tổ chức Đại hội thành lập Hội

4.1. Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập tổ chức Hội, ban vận động thành lập tổ chức Hội tổ chức đại hội thành lập. Quá thời hạn 60 ngày làm việc mà ban vận động thành lập tổ chức Hội chưa chuẩn bị kịp để tiến hành tổ chức đại hội thành lập, thì trong thời gian 15 ngày làm việc tính từ ngày hết thời hạn 60 ngày làm việc, ban vận động thành lập tổ chức Hội chủ động có văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị gia hạn.

4.2. Thời gian gia hạn không quá 30 ngày làm việc tính từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản cho phép gia hạn.

4.3. Quyết định cho phép thành lập tổ chức Hội hết hiệu lực trong trường hợp:

a) Tổ chức Hội không tổ chức đại hội theo thời gian quy định và không có văn bản đề nghị gia hạn theo quy định tại mục 4.1 phần 3 này.

b) Quá thời gian được gia hạn theo quy định tại mục 4.2 phần 3 này mà ban vận động thành lập tổ chức Hội không tổ chức đại hội thành lập, trừ trường hợp có lý do bất khả kháng.

4.4 Khi quyết định cho phép thành lập tổ chức Hội hết hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại mục 2.2 phần 3 này ra quyết định thu hồi quyết định cho phép thành lập hội. Tổ chức Hội bị thu hồi quyết định cho phép thành lập sẽ không được thành lập lại trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bị thu hồi quyết định cho phép thành lập.

4.5. Quyết định thành lập ban vận động thành lập tổ chức Hội đương nhiên hết hiệu lực khi quyết định cho phép thành lập tổ chức Hội bị thu hồi theo quy định.

II. THÀNH LẬP TỔ CHỨC THUỘC HỘI

1. Tổ chức cơ sở Hội (điều 19)

Tổ chức cơ sở thuộc Hội bao gồm các chi hội, câu lạc bộ, tổ, đội, nhóm và các hình thức tập hợp thanh niên được Ủy ban Hội thành lập theo địa bàn dân cư, trong trường học, cơ quan, doanh nghiệp; theo nghề nghiệp, sở thích và các nhu cầu chính đáng khác của thanh niên. Tổ chức cơ sở thuộc Hội là các tổ chức không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, do Đoàn Chủ tịch Hội ở Trung ương, Ban Thư ký ở tỉnh, Ủy ban Hội ở xã quyết định thành lập trên cơ sở Nghị quyết của Ủy ban Hội. Các chi hội, tổ, đội, nhóm, câu lạc bộ cử ra cấp trưởng và cấp phó để điều hành công việc hàng ngày, cơ cấu tổ chức cơ sở thuộc Hội bao gồm:

Chi hội: Chi hội trưởng, chi hội phó, hội viên

Câu lạc bộ: Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, thành viên

Tổ: Tổ trưởng, tổ phó, thành viên

Đội: Đội trưởng, đội phó, thành viên

Nhóm: Nhóm trưởng, nhóm phó, thành viên

- Ủy ban Hội từ cấp xã trở lên được thành lập các tổ chức cơ sở Hội trực thuộc ở trong doanh nghiệp theo nguyên tắc:

+ Cơ sở Hội ở doanh nghiệp có dưới 500 hội viên và quy mô hoạt động của doanh nghiệp chỉ trên địa bàn cấp xã sẽ do Ủy ban Hội LHTN Việt Nam cấp xã thành lập và ra quyết định công nhận, trực thuộc Hội LHTN Việt Nam cấp xã.

+ Cơ sở Hội có từ 500 Hội viên trở lên, quy mô hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh, hoặc doanh nghiệp có quy mô hoạt động trong một địa bàn nhất định, tập trung số lượng thanh niên đông như Khu Công nghiệp, Khu chế xuất sẽ do Ủy ban Hội LHTN Việt Nam cấp tỉnh thành lập và ra quyết định công nhận và trực thuộc tỉnh.

+ Đối với việc thành lập Hội LHTN Việt Nam tại các tập đoàn kinh tế Nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước có quy mô lớn, phạm vi hoạt động liên tỉnh hoặc toàn quốc tùy từng điều kiện cụ thể sẽ do Ủy ban Trung ương Hội LHTN Việt Nam hoặc Ủy ban Hội LHTN Việt Nam cấp tỉnh xem xét thành lập, ra quyết định công nhận và trực thuộc.

2. Thủ tục, hồ sơ thành lập tổ chức thuộc Hội

Bước 1: Thành lập Ban vận động thành lập tổ chức thuộc Hội, Ban vận động cần chọn được 1 nhân sự trong ngành, lĩnh vực có uy tín, nhiệt tình làm Trưởng ban. 01 nhân sự chủ chốt của Hội giữ vai trò Phó ban vận động và các thành viên khác giữ vai trò là ủy viên.

Bước 2: Ủy ban Hội thông nhất với Ban Thường vụ Đoàn cùng cấp và các ngành, lĩnh vực có liên quan trực tiếp ra Quyết định thành lập Ban vận động.

Bước 3: Ban Vận động xây dựng các tài liệu và tuyên truyền vận động thanh niên tham gia, tập hợp danh sách tham gia tổ chức cơ sở thuộc Hội.

- Xây dựng hồ sơ thành lập Hội :

+ Đề án thành lập cơ sở của Hội: trong đó nêu rõ chức năng, quyền hạn, lĩnh vực hoạt động; trách nhiệm, nghĩa vụ phải thực hiện; danh sách tổ chức cơ sở của Hội dự kiến và nhân sự chủ chốt của tổ chức cơ sở thuộc Hội.

+ Đơn đề nghị thành lập tổ chức cơ sở thuộc Hội.

+ Dự thảo Nội quy, quy chế hoạt động của tổ chức cơ sở thuộc Hội.

+ Báo cáo tiến hành vận động thành lập tổ chức cơ sở thuộc Hội.

+ Danh sách những người trong Ban vận động thành lập tổ chức cơ sở Hội.

+ Trích ngang lý lịch của Người đứng đầu tổ chức cơ sở thuộc Hội.

+ Dự kiến phương hướng hoạt động của tổ chức cơ sở thuộc Hội.

+ Văn bản xác nhận nơi dự kiến đặt trụ sở của tổ chức cơ sở thuộc Hội.

Bước 4: Báo cáo xin chủ trương của cấp ủy (do Ban Thường vụ Đoàn cùng cấp đề nghị) và đề nghị Ủy ban Hội ra Quyết định thành lập tổ chức cơ sở thuộc Hội.

Bước 5: Tổ chức Lễ công bố Quyết định thành lập tổ chức cơ sở thuộc Hội.

PHẦN 4

ĐỔI TÊN, CHIA TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HỘI

1. Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội

1.1 Đổi tên hội

- Việc đổi tên Hội do đại hội của Hội xem xét, thông qua trừ trường hợp tên Hội mới do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất.

- Tên mới của Hội phải đảm bảo:

+ Viết bằng tiếng Việt hoặc phiên âm theo tiếng Việt, nếu không phiên âm ra được tiếng Việt thì dùng tiếng nước ngoài; tên gọi riêng của Hội có thể được phiên âm, dịch ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

+ Phù hợp với tôn chỉ, mục đích, phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính của Hội;

+ Không trùng lặp toàn bộ tên gọi hoặc gây nhầm lẫn, bao trùm tên gọi với các Hội khác đã được thành lập hợp pháp trước đó;

+ Không vi phạm đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa dân tộc.

- Trong trường hợp tổ chức Hội đổi tên do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, quy trình đổi tên sẽ thực hiện như sau:

- Bước 1: Ủy ban Hội gửi hồ sơ xin đổi tên và Điều lệ Hội theo tên mới đến UBND tỉnh đối với Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh hoặc UBND xã đối với Hội có phạm vi hoạt động trong xã.

- Bước 2: Sau khi có quyết định cho phép đổi tên hội và phê duyệt Điều lệ Hội của UBND xã hoặc UBND tỉnh, Ủy ban Hội nơi đề nghị đổi tên gửi hồ sơ đề nghị Ủy ban Hội cấp trên công nhận tên tổ chức Hội mới, hồ sơ bao gồm:

+ Công văn đề nghị Ủy ban Hội cấp trên công nhận tên gọi mới.

+ Quyết định cho phép đổi tên của UBND xã hoặc UBND tỉnh.

- Sau khi đổi tên, Hội phải sửa đổi Điều lệ Hội theo tên mới. Việc đổi tên của Hội có hiệu lực sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định cho phép đổi tên và phê duyệt Điều lệ Hội.

1.2. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội

Thực hiện theo quy định của pháp luật về Hội và theo Hướng dẫn số 02 HD/TWH ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Thường trực Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam về sắp xếp tổ chức và hoạt động của Hội LHTN Việt Nam các cấp.

1.3. Giải thể Hội

Thực hiện theo quy định tại Điều 34, Điều 35 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động, tổ chức và quản lý Hội.

2. Về việc thu hồi con dấu của Hội (Điều 22)

- Việc thu hồi con dấu được thực hiện trong các trường hợp Hội đổi tên, bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc giải thể. Quy trình thu hồi con dấu phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định hiện hành về quản lý và sử dụng con dấu và các quy định có liên quan.

- Việc thu hồi con dấu của Hội được thực hiện theo quy trình các bước sau:

+ Hội lập hồ sơ đề nghị thu hồi con dấu, bao gồm: Văn bản quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc đổi tên, chia, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động hoặc giải thể Hội; biên bản kiểm kê con dấu và giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu (nếu có); công văn đề nghị thu hồi con dấu của Hội, nêu rõ lý do thu hồi.

+ Căn cứ vào nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu, Hội nộp toàn bộ hồ sơ và con dấu hiện đang sử dụng đến Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an cấp xã hoặc cấp tỉnh (tùy theo cơ quan đã cấp phép khắc dấu trước đó).

+ Sau khi tiếp nhận hồ sơ và con dấu, cơ quan công an sẽ tiến hành kiểm tra, đối chiếu thông tin. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan công an sẽ lập biên bản thu hồi con dấu, xác nhận việc thu hồi con dấu của Hội. Biên bản này có giá trị pháp lý làm căn cứ chấm dứt hiệu lực con dấu đã cấp.

+ Hội có trách nhiệm lưu giữ biên bản thu hồi con dấu và các tài liệu liên quan để phục vụ cho việc thanh quyết toán tài chính, giải thể tư cách pháp nhân (nếu có) hoặc để phục vụ các thủ tục đổi tên, đăng ký mới con dấu trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, đổi tên Hội.

- Việc thu hồi con dấu là thủ tục bắt buộc nhằm bảo đảm tính hợp pháp, thống nhất và minh bạch trong quá trình thay đổi, chấm dứt hoạt động của Hội. Hội cần thực hiện nghiêm túc, đúng trình tự, không được tự ý hủy bỏ hoặc giữ lại con dấu sau khi có quyết định thu hồi.

PHẦN 5

TÀI CHÍNH CỦA HỘI

1. Tài chính, tài sản của Hội (tại Điều 23)

1.1. Tài chính của Hội (tại khoản 1 Điều 23)

- Việc quản lý thu, chi hội phí do Ủy ban Hội cấp đó quản lý, sử dụng theo quy định của Nhà nước.

- Về nguồn thu của Hội:

+ Điều lệ Hội quy định mọi hội viên đều phải đóng phí gia nhập Hội, hội phí hằng năm. Mức thu hội phí được Ủy ban Hội các cấp, các chi hội, các Câu lạc bộ, Tổ, Đội, Nhóm chủ động bàn bạc và quyết định, cách thu phù hợp với khả năng đóng góp của hội viên và tăng cường thêm điều kiện tổ chức các hoạt động

của Hội. Việc thu hội phí bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch và khuyến khích hội viên đóng góp trách nhiệm đối với tổ chức Hội.

+ Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật bao gồm thu từ các hoạt động như tổ chức chương trình, hội thảo, tập huấn hoặc các hoạt động khác phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội và quy định của pháp luật. Lưu ý: Các hoạt động này không được nhằm mục đích lợi nhuận.

+ Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật: Hội được tiếp nhận tài trợ, ủng hộ từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo đúng quy định của pháp luật. Việc tiếp nhận các nguồn tài trợ, ủng hộ phải có văn bản thỏa thuận, biên bản ghi nhớ hoặc hợp đồng, đảm bảo công khai, minh bạch và sử dụng đúng mục đích, không trái với tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước: Việc hỗ trợ phải thực hiện theo dự toán được phê duyệt và quyết toán đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ này cần được thực hiện nghiêm túc theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, nhằm bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả và đúng mục đích của nguồn ngân sách được giao.

+ Ngoài các nguồn thu trên, Hội có thể có thêm các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật như lãi tiền gửi ngân hàng, thu từ bán tài sản thanh lý, các khoản được hiến tặng không kèm điều kiện sử dụng cụ thể,... Các khoản thu này phải được kê khai, hạch toán và sử dụng đúng quy định.

- Về các khoản chi của Hội:

+ Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội: Bao gồm chi cho các chương trình hoạt động, phong trào, chiến dịch, hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn, công tác truyền thông, hợp tác quốc tế,... nhằm thực hiện tôn chỉ và mục đích của Hội. Đây là khoản chi chiếm tỷ trọng lớn, phản ánh hiệu quả thực chất hoạt động Hội. Các khoản chi phải phù hợp với kế hoạch hoạt động đã được Ủy ban Hội phê duyệt.

+ Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao (nếu có): Trong trường hợp Hội được giao tổ chức các nhiệm vụ phục vụ chính trị - xã hội theo chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, các khoản chi cho hoạt động này phải được xác lập theo kế hoạch và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời thực hiện chế độ quyết toán theo quy định của pháp luật.

+ Chi thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc: Bao gồm các khoản chi thuê văn phòng làm việc, điện nước, mua sắm trang thiết bị, máy móc, phương tiện phục vụ cho hoạt động thường xuyên của Hội. Việc chi tiêu phải căn cứ kế hoạch năm và được quản lý theo quy chế tài chính nội bộ.

+ Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ủy ban Hội phù hợp với quy định của pháp luật: Hội được phép chi trả các khoản hỗ trợ, phụ cấp, thù lao hoặc các chế độ khác cho người làm việc tại Hội trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Ủy ban Hội và phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp Hội có cán bộ chuyên trách thì thực hiện theo hợp đồng lao động và các quy định liên quan về lao động, bảo hiểm (nếu có).

+ Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ủy ban Hội: Bao gồm chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích và các khoản chi khác phục vụ hoạt động của Hội. Việc chi tiêu cần được thống nhất trong nội bộ Ủy ban Hội, bảo đảm đúng quy định và phù hợp khả năng tài chính của Hội.

1.2. Tài sản của Hội (tại khoản 2 Điều 23)

1.2.1. Về tài sản của Hội

- Tài sản của Hội bao gồm trụ sở làm việc (nếu có), trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí hợp pháp của Hội như: nguồn thu từ hội phí; nguồn thu từ các hoạt động của Hội; kinh phí từ ngân sách nhà nước (nếu có); cũng như từ nguồn tài trợ, hiến tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Việc tiếp nhận và ghi nhận tài sản phải đảm bảo có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp và được hạch toán, quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

1.2.2. Về quản lý, sử dụng tài sản của Hội

- Tài sản của Hội được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán, cũng như các quy định cụ thể trong Điều lệ Hội. Hội phải lập sổ sách theo dõi, kiểm kê định kỳ và có phương án bảo trì, bảo dưỡng, sử dụng hiệu quả các tài sản đang có.

- Trường hợp Hội được giao quản lý hoặc sử dụng tài sản công (như trụ sở làm việc, tài sản đầu tư từ ngân sách), việc quản lý, sử dụng, bảo quản, thanh lý hoặc xử lý tài sản phải tuân thủ đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.2.3. Về xử lý tài sản khi Hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể

Khi Hội thực hiện chia tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền, việc xử lý tài sản phải tuân thủ các quy định sau:

- Hội có trách nhiệm tổ chức kiểm kê, phân loại toàn bộ tài sản hiện có để xác định rõ nguồn gốc hình thành và cơ chế xử lý tương ứng. Việc kiểm kê phải được lập thành biên bản và có sự giám sát của Ủy ban Hội và các cơ quan liên quan (nếu cần).

- Đối với tài sản công mà Hội đang quản lý hoặc sử dụng phải được bàn giao hoặc xử lý theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm không thất thoát và đúng trình tự, thủ tục.

- Các tài sản do Hội tạo lập từ nguồn tài chính tự có (hội phí, tài trợ,...) sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật liên quan và theo Điều lệ Hội. Việc phân chia, chuyển giao hoặc thanh lý tài sản phải bảo đảm công khai, minh bạch và đúng thẩm quyền.

2. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội (tại Điều 24)

2.1. Về việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội (tại khoản 1 Điều 24)

- Tài chính, tài sản của Hội là nguồn lực quan trọng nhằm bảo đảm điều kiện thực hiện tôn chỉ và mục đích của Hội. Các nguồn lực này chỉ được sử dụng cho các hoạt động đúng với tôn chỉ, mục đích đã được xác lập trong Điều lệ Hội, không được sử dụng cho mục đích cá nhân, kinh doanh thương mại vì lợi nhuận hoặc các mục đích khác trái quy định của pháp luật. Hội có trách nhiệm bảo đảm việc sử dụng tài chính, tài sản đúng nội dung hoạt động, tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ chi tiêu và được theo dõi, hạch toán đầy đủ, công khai.

- Trong các trường hợp tổ chức Hội thay đổi như chia tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc bị đình chỉ hoạt động, giải thể theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, toàn bộ tài chính, tài sản của Hội phải được kiểm kê, phân loại và xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành về hội, pháp luật về tài sản, kế toán, dân sự và các quy định liên quan khác.

- Ủy ban Hội các cấp có trách nhiệm tham mưu ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội theo thẩm quyền. Quy chế này phải tuân thủ các nguyên tắc: công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành về tài chính, kế toán, quản lý tài sản công cũng như Điều lệ Hội.

2.2. Về việc thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê (tại khoản 2 Điều 24)

- Hội có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Kế toán và Luật Thống kê, nhằm bảo đảm tính minh bạch, chính xác và công khai trong quản lý tài chính. Cụ thể, Hội phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành. Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản phát sinh đều phải được phản ánh kịp thời, trung thực thông qua hệ thống chứng từ kế toán hợp pháp và được hạch toán đầy đủ. Hội cần mở sổ sách kế toán rõ ràng, ghi chép chi tiết các khoản thu, chi, hiện vật, tài trợ, viện trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với quy định trong Điều lệ Hội.

Bên cạnh đó, Hội có nghĩa vụ lập và nộp đầy đủ, đúng thời hạn các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội cũng như cơ quan tài chính cùng cấp. Các báo cáo này là cơ sở để kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Hội, góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình trong quá trình sử dụng nguồn lực. Đồng thời, Hội phải xây dựng và lưu trữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu kế toán theo quy định, trong đó bao gồm cả các chứng từ liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền - đây là nội dung quan trọng nhằm ngăn chặn việc lợi dụng Hội để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, đảm bảo Hội hoạt động minh bạch, đúng mục đích và đúng pháp luật.

- Tổ chức Hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán liên quan đến công tác thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản do các cơ quan có thẩm quyền thực hiện. Cụ thể, Hội phải chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội hoặc của cơ quan tài chính thuộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, đồng thời chịu sự kiểm toán từ cơ quan kiểm toán có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhằm bảo đảm tính hợp pháp, hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; đồng thời góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của tổ chức Hội trong quá trình hoạt động. Tổ chức Hội có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu, báo cáo và cử cán bộ liên quan làm việc với các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán khi có yêu cầu. Kết luận của các cơ quan này là căn cứ để Hội rà soát, khắc phục, điều chỉnh hoạt động tài chính nếu phát hiện sai sót, vi phạm.

- Hội có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình thu, chi tài chính, quản lý, sử dụng tài sản và các hoạt động khác của Hội theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nội dung thông tin được cung cấp có thể bao gồm: báo cáo tài chính, quyết toán ngân sách, sổ sách kế toán, chứng từ thu chi, văn bản về tài sản, hợp đồng tài trợ, văn bản nội bộ liên quan đến hoạt động tài chính và các tài liệu khác có liên quan. Việc cung cấp thông tin phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về kế toán, tài chính, thống kê và quy định về trách nhiệm giải trình của tổ chức Hội. Trong trường hợp cần thiết, Hội phải cử cán bộ có trách nhiệm phối hợp làm rõ nội dung thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Hội (tại Điều 25)

3.1. Về giải quyết tài sản, tài chính của Hội khi chia, tách (tại khoản 1 Điều 25)

- Trường hợp Hội bị chia và chấm dứt hoạt động, việc xử lý tài sản và tài chính của Hội cần được thực hiện theo nguyên tắc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến tài sản, tài chính của Hội bị chia cho các Hội mới được thành lập. Việc chuyển giao này phải được thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, bảo đảm tính minh bạch và tuân thủ đúng nội dung, phạm vi quy định trong quyết định chia Hội do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Các Hội mới sau khi thành lập có trách nhiệm kế thừa và tiếp tục thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính được chuyển giao từ Hội cũ, phù hợp với tôn chỉ, mục đích và phạm vi hoạt động đã được phê duyệt.

- Trường hợp Hội bị tách, các Hội mới được tách ra có trách nhiệm tiếp nhận phần tài sản, tài chính được phân chia theo đúng quyết định tách Hội và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ liên quan đến phần tài sản, tài chính đó. Việc tiếp nhận và sử dụng nguồn lực tài chính phải đảm bảo phù hợp với mục đích, chức năng hoạt động riêng của từng Hội mới, đồng thời bảo đảm tính liên tục trong việc thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động đã được xác lập trước đó. Các Hội được tách ra phải thực hiện quản lý, sử dụng tài sản, tài chính một cách công khai, minh bạch, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Hội, góp phần nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong hoạt động của tổ chức.

3.2. Về giải quyết tài sản, tài chính của Hội khi sáp nhập (tại khoản 2 Điều 25)

- Trong trường hợp Hội được sáp nhập vào Hội khác, toàn bộ tài sản, tài chính của Hội bị sáp nhập sẽ được chuyển giao về Hội tiếp nhận sáp nhập. Việc chuyển giao này phải được thực hiện công khai, có kiểm kê, lập biên bản và bàn giao đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan.

- Hội tiếp nhận sáp nhập sẽ được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến tài sản, tài chính hiện có; đồng thời có trách nhiệm kế thừa và thanh toán các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính và các hợp đồng dịch vụ mà Hội bị sáp nhập đang thực hiện dở dang, đúng theo quy định pháp luật.

3.3. Về giải quyết tài sản, tài chính của Hội khi Hội hợp nhất (tại khoản 3 Điều 25)

- Sau khi hợp nhất thành tổ chức Hội mới, các tổ chức Hội cũ chấm dứt hoạt động, không còn tư cách pháp nhân. Hội mới được thành lập có trách nhiệm tiếp nhận toàn bộ quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính, các khoản nợ và hợp đồng dịch vụ còn hiệu lực từ các Hội hợp nhất.

- Tài sản, tài chính của các Hội hợp nhất không được phân chia riêng lẻ mà phải chuyển giao toàn bộ cho Hội mới. Việc chuyển giao phải đảm bảo thống nhất, đồng bộ và có hồ sơ chứng từ đầy đủ, phục vụ công tác quản lý và hạch toán theo quy định.

3.4. Về giải quyết tài sản, tài chính của Hội khi Hội bị đình chỉ hoạt động có thời hạn (tại khoản 4 Điều 25)

- Trong thời gian bị đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Hội chỉ được chi các khoản chi thường xuyên phục vụ duy trì bộ phận thường trực giúp việc, không được phát sinh các khoản chi vượt thẩm quyền. Mọi hoạt động tài chính trong thời gian này phải được kiểm soát chặt chẽ, không gây phát sinh nợ hoặc nghĩa vụ tài chính mới.

3.5. Về giải quyết tài sản, tài chính khi Hội giải thể (tại khoản 5 Điều 25)

- Khi Hội bị giải thể, tài sản của Hội không được chia cho các tổ chức, cá nhân. Việc xử lý tài sản phải thực hiện thông qua hình thức bán, thanh lý theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

- Số tiền hiện có và tiền thu được từ việc thanh lý tài sản của Hội được sử dụng để thanh toán theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Chi phí cho hoạt động giải thể Hội;

+ Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi hợp pháp khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao động đã ký kết;

+ Các khoản nợ thuế và nghĩa vụ tài chính khác.

- Đối với tài sản, tài chính tự có của Hội cũng như phần tài sản, tài chính còn lại do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ, viện trợ cho Hội (nếu có), khi Hội chấm dứt hoạt động thì toàn bộ phần này được xử lý theo nguyên tắc: Hội do cơ quan nào cho phép thành lập thì phần tài sản đó được nộp vào ngân sách nhà nước của cấp tương ứng với cơ quan đó. Đối với tài sản có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc do ngân sách nhà nước cấp, Hội có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ phần tài sản đó cho cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan có thẩm quyền đã cho phép thành lập Hội. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 15 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, việc chuyển giao tài sản, tài chính phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản công, tránh thất thoát, lãng phí và sai phạm trong quá trình xử lý tài sản sau khi Hội chấm dứt hoạt động.

PHẦN 6

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

I. KHEN THƯỞNG

Thực hiện theo quy chế thi đua khen thưởng của Thường trực Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam.

1. Những nguyên tắc chung

- Việc khen thưởng của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam đối với các tập thể và cá nhân là ghi nhận thành tích, cổ vũ động viên các cấp bộ Hội, cán bộ, hội viên và những người có công đóng góp cho sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ; xây dựng, phát triển tổ chức Hội và mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên.

- Việc xét khen thưởng ở các cấp bộ Hội cần tiến hành kịp thời, nghiêm túc, chính xác, đúng đối tượng, tiêu chuẩn, tỷ lệ khen thưởng theo quy định nhằm đảm bảo vừa động viên tổ chức, cá nhân có thành tích, vừa có tác dụng nêu gương thúc đẩy phong trào thi đua chung.

2. Các hình thức khen thưởng của Hội LHTN Việt Nam ở các cấp

- Cấp Trung ương: Cờ, bằng khen, các giải thưởng.

- Cấp tỉnh: Cờ, bằng khen, các giải thưởng.

- Cấp xã: Giấy khen.

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Trung ương Hội: Giấy khen.

Mẫu và kích thước cờ, bằng khen, giấy khen in theo mẫu thống nhất của Trung ương Hội.

Ủy ban Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam từ cấp xã trở lên xét khen thưởng những tập thể và cá nhân thuộc phạm vi mình phụ trách và xét duyệt, đề nghị Ủy ban Hội cấp trên trực tiếp khen thưởng với các hình thức cao hơn.

3. Đối tượng của các hình thức khen thưởng

- Bằng khen của Ủy ban Hội cấp tỉnh; Giấy khen của Ủy ban Hội cấp xã tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các chương trình công tác lớn hoặc trong một năm, một nhiệm kỳ công tác.

- Bằng khen của Trung ương Hội tặng cho các tổ chức Hội, cán bộ Hội, hội viên cá nhân, hội viên tổ chức có thành tích xuất sắc toàn diện và xuất sắc từng mặt công tác trong công tác Hội và phong trào thanh niên một năm; trong các chương trình công tác lớn, một nhiệm kỳ công tác.

- Cờ của Ủy ban Hội cấp Trung ương, tỉnh, thành phố tặng thưởng cho các tập thể, hội viên tổ chức, tổ chức Hội các cấp có thành tích xuất sắc trong các chương trình công tác lớn hoặc một năm, một nhiệm kỳ công tác.

- Các Giải thưởng của Ủy ban Hội cấp Trung ương, tỉnh, thành phố tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các chương trình công tác của Hội.

4. Thời điểm xét khen thưởng

- Việc khen thưởng và xét khen thưởng thường xuyên ở các cấp bộ Hội tiến hành vào dịp tổng kết công tác năm, tổng kết một chương trình, một đợt hoạt động cao điểm hoặc kết thúc nhiệm kỳ công tác.

- Việc xét khen thưởng đột xuất do Ủy ban Hội các cấp đề xuất và Ủy ban Hội cấp trên trực tiếp quyết định.

5. Hồ sơ xét khen thưởng gồm

- Báo cáo thành tích của cá nhân hoặc tập thể được đề nghị khen thưởng có xác nhận của Ủy ban Hội cấp trực tiếp phụ trách.

- Văn bản đề nghị hình thức khen thưởng của Ủy ban Hội cấp trực tiếp phụ trách cá nhân hoặc đơn vị được đề nghị khen thưởng.

- Biên bản bình xét khen thưởng.

Lưu ý: Hồ sơ đề nghị khen thưởng phải gửi lên cấp trên trước 10 ngày để kịp làm các thủ tục theo quy định. Trường hợp đột xuất, cấp có thẩm quyền phát hiện tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc sẽ tiến hành khen thưởng kịp thời. Đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong cùng một thời điểm có thể đủ điều kiện để đề nghị xét khen thưởng ở nhiều cấp khác nhau thì chỉ được xét khen thưởng ở cấp bộ Hội cao nhất.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, các địa phương cần phản ánh kịp thời về Thường trực Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Hội để xem xét, điều chỉnh.

II. KỶ LUẬT

Căn cứ vào mức độ và tính chất của khuyết điểm mà áp dụng những hình thức kỷ luật khác nhau theo nguyên tắc cấp trên trực tiếp ra quyết định thi hành kỷ luật.

1. Đối với hội viên tổ chức

- Thôi công nhận hội viên tổ chức, đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi con dấu (nếu có): Trong trường hợp hội viên tổ chức hoạt động trái với Điều lệ Hội, làm tổn hại đến uy tín của Hội, làm ảnh hưởng đến phong trào của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam.

- Cảnh cáo: Trong trường hợp hội viên tổ chức phạm sai lầm về nguyên tắc tổ chức, hoạt động làm ảnh hưởng tới sự phát triển của phong trào thanh niên và suy yếu tổ chức Hội.

- Khiển trách: Trong trường hợp hội viên tổ chức Hội phạm sai lầm về phương pháp công tác, không chấp hành nghiêm túc Nghị quyết Đại hội, thiếu trách nhiệm với phong trào thanh niên.

2. Đối với hội viên cá nhân

- Căn cứ vào đề nghị của tập thể nơi hội viên sinh hoạt và được quá nửa số hội viên tán thành sau khi thảo luận dân chủ, có 3 hình thức kỷ luật với hội viên: Thôi công nhận là hội viên, cảnh cáo, khiển trách.

+ Thôi công nhận là hội viên: Ủy ban Hội các cấp được quyền ra quyết định kỷ luật, thôi công nhận đối với những hội viên vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội, làm tổn hại tới uy tín của Hội.

Lưu ý: Chi hội, Câu lạc bộ, Tổ, Đội, Nhóm được quyền áp dụng 2 hình thức kỷ luật cảnh cáo và khiển trách:

+ Cảnh cáo: Đối với hội viên vi phạm Điều lệ Hội làm tổn hại đến uy tín của Hội, gây mất đoàn kết, chia rẽ nội bộ gây ảnh hưởng đến phong trào thanh niên.

+ Khiển trách: Đối với hội viên mắc khuyết điểm ở mức độ thấp hơn mức cảnh cáo trên.

- Đối với người làm việc tại Hội: khiển trách, cảnh cáo, thôi giữ chức danh trong Ủy ban Hội, thôi công nhận là hội viên

- Ủy ban Hội các cấp áp dụng hình thức cho thôi chức vụ đối với Ủy viên Ủy ban Hội cấp mình quản lý trong trường hợp cá nhân đó không đủ khả năng đại diện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

PHẦN 7

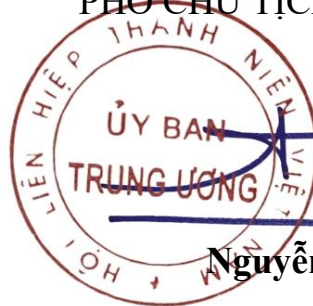
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Hướng dẫn này được phổ biến trong toàn Hội để thống nhất thực hiện.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì chưa phù hợp các cấp bộ Hội đề xuất để Ủy ban Trung ương Hội LHTN Việt Nam xem xét, sửa đổi, bổ sung.
3. Hướng dẫn được thực hiện từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo và Dân vận TW;
- UBTW MTTQ Việt Nam;
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Ban Bí thư TW Đoàn (để b/c);
- Các anh, chị Ủy viên UBTW Hội;
- Hội LHTN Việt Nam các tỉnh, thành phố và các đơn vị trực thuộc;
- Các hội viên tập thể của Hội;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Kim Quy

PHỤ LỤC

Mẫu số 01	Quyết định công nhận hội viên
Mẫu số 02	Quyết định công nhận Ban điều hành Chi hội, Câu lạc bộ, Tổ, Đội, Nhóm
Mẫu số 03	Danh sách hội viên
Mẫu số 04	Đơn công dân Việt Nam xin gia nhập Hội
Mẫu số 05	Đơn tổ chức Việt Nam xin gia nhập Hội
Mẫu số 06	Đơn đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội
Mẫu số 07	Đơn đề nghị thành lập hội
Mẫu số 08	Công văn báo cáo kết quả đại hội
Mẫu số 09	Công văn báo cáo đặt chi nhánh, văn phòng đại diện
Mẫu số 10	Công văn báo cáo thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của Hội
Mẫu số 11	Công văn báo cáo thay đổi chức danh lãnh đạo Hội
Mẫu số 12	Điều lệ Hội
Mẫu số 13	Đơn đề nghị sáp nhập Hội
Mẫu số 14	Đơn đề nghị giải thể Hội
Mẫu số 15	Đơn đề nghị đặt chi nhánh, văn phòng đại diện
Mẫu số 16	Báo cáo hoạt động Hội
Mẫu số 17	Sơ yếu lý lịch cá nhân

1. Mẫu 01: Quyết định công nhận hội viên

HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM

ỦY BAN HỘI

....., ngày tháng năm 20.....

Số:-QĐ/UBH

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận hội viên

ỦY BAN HỘI LHTN VIỆT NAM

- Căn cứ vào Điều 8, chương III, Điều lệ Hội LHTN Việt Nam;
- Căn cứ vào đề nghị giới thiệu, phát triển hội viên của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận anh, chị là hội viên Hội LHTN Việt Nam.

Điều 2: Ủy ban Hội tổ chức lễ công nhận anh, chị vào Hội LHTN Việt Nam theo hướng dẫn lễ công nhận hội viên mới và ghi tên vào sổ danh sách hội viên; phân công nhiệm vụ cho hội viên, hướng dẫn và tạo điều kiện để hội viên hoàn thiện nhân cách, trở thành công dân tốt, cống hiến tài năng, sức trẻ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 3: Ủy ban Hội và các anh, chị có tên trên có trách nhiệm căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN HỘI LHTN

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3.
- Lưu VP.

.....

2. Mẫu 02: Quyết định công nhận Ban điều hành Chi hội, Câu lạc bộ, Tổ, Đội, Nhóm

HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM

ỦY BAN HỘI

Số:-QĐ/UBH

....., ngày tháng năm
20.....

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận Ban điều hành Chi hội, Câu lạc bộ, tổ, đội nhóm ...

ỦY BAN HỘI LHTN VIỆT NAM

- Căn cứ vào Điều 14, chương IV, Điều lệ Hội LHTN Việt Nam;
- Căn cứ vào bản đề nghị công nhận

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận Ban điều hành gồm anh, chị giữ các chức danh sau (có danh sách kèm theo):

Điều 2: có nhiệm vụ thực hiện tốt chương trình hành động, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh và phát triển hội viên.

Điều 3: Ủy ban Hội, Chi hội ... Ban điều hành và hội viên có tên trong danh sách căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN HỘI LHTN

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3.
- Lưu VP.

.....

3. Mẫu 03: Danh sách hội viên

T T	Họ tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Tôn giáo	Trình độ học vấn	Năng khiếu, sở thích	Ngày gia nhập Hội	Nghề nghiệp	Đảng viên	Đoàn viên	Sinh hoạt tại Chi hội	Địa chỉ liên hệ
		Nam	Nữ										

TM. ỦY BAN HỘI LHTN
CHỦ TỊCH

.....

4. Mẫu số 04. Đơn công dân Việt Nam xin gia nhập Hội
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN GIA NHẬP HỘI ...(1)...

Kính gửi: ...(2)...

Sau khi nghiên cứu tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực dự kiến hoạt động, phạm vi hoạt động của Hội ...(1)..., tôi tán thành và tự nguyện làm đơn này để đăng ký tham gia làm hội viên...(3)... của Hội.

1. Họ và tên.....
2. Sinh ngày:; nghề nghiệp:.....
3. Địa chỉ thường trú:
4. Số căn cước công dân:
5. Điện thoại:
6. Địa chỉ liên hệ:

Trân trọng đề nghị ...(2)... xem xét, đồng ý để tôi tham gia Hội.

..., ngày... tháng... năm ...

NGƯỜI VIẾT ĐƠN

(Chữ ký)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên Hội dự kiến thành lập hoặc tên Hội đã được thành lập hợp pháp.
- (2) Tên ban vận động thành lập hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc tên hội đã được thành lập hợp pháp.
- (3) Ghi rõ là hội viên chính thức hoặc hội viên danh dự.

5. Mẫu số 05. Đơn tổ chức Việt Nam xin gia nhập Hội
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN GIA NHẬP HỘI ...(1)...

Kính gửi: ...(2)...

Sau khi nghiên cứu tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực dự kiến hoạt động, phạm vi hoạt động của Hội ...(1)..., chúng tôi tán thành và tự nguyện làm đơn này đăng ký tham gia làm hội viên ...(3)... của Hội.

1. Thông tin cơ bản về tổ chức

a) Tên:

b) Địa chỉ:

c) Số Giấy phép hoạt động (điều lệ):

do..... cấp ngày ... tháng ... năm

...

d) Người đại diện theo pháp luật:

2. Người đại diện tổ chức tham gia Hội

a) Họ và tên:;

Chức vụ:

b) Địa chỉ:.....

c) Số điện thoại:

Trân trọng đề nghị ...(2)... xem xét, đồng ý để chúng tôi tham gia Hội.

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI

KÝ

(Chữ ký, dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT, ...

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên Hội dự kiến thành lập.

(2) Tên ban vận động thành lập Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc tên Hội đã được thành lập hợp pháp.

(3) Ghi rõ là hội viên chính thức hoặc hội viên danh dự.

6. Mẫu số 06. Đơn đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công nhận Ban Vận động thành lập Hội ...(1)...

Kính gửi: ...(2)....

Tôi là ... đại diện những người sáng lập (Ban Sáng lập) Hội ...(1)... trân trọng đề nghị ...(2)... xem xét, quyết định công nhận Ban Vận động thành lập Hội ...(1)... như sau:

I. Sự cần thiết và cơ sở công nhận

1. Sự cần thiết

..... (3)

2. Cơ sở

..... (4)

II. Tên, tôn chỉ, mục đích

1. Tên Hội:

..... (5)

2. Tôn chỉ, mục đích của Hội

..... (6)

III. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính

..... (7)

IV. Dự kiến thời gian chuẩn bị thành lập hội và nơi tạm thời làm địa điểm hội họp

.....

V. Hồ sơ gồm:

..... (8)

Thông tin khi cần liên hệ:

Họ và tên:

.....

Địa chỉ:

.....

Số điện thoại:

.....

Ban Sáng lập Hội đề nghị ...(2)... xem xét, quyết định công nhận Ban Vận động thành lập Hội ...(1)....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Ban Sáng lập Hội.

..., ngày ... tháng ... năm ...
TM. BAN SÁNG LẬP HỘI
(Chữ ký)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên hội dự kiến thành lập.
- (2) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội.
- (3) Khái quát thực trạng lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và sự cần thiết thành lập hội.
- (4) Nêu rõ việc đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội phù hợp quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).
- (5) Tên gọi bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài (nếu có), tên viết tắt (nếu có) phù hợp với lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và quy định của pháp luật.
- (6) Xác định cụ thể tôn chỉ, mục đích phù hợp tên gọi và quy định của pháp luật.
- (7) Xác định cụ thể phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hội dự kiến hoạt động phù hợp tên gọi, quy định của pháp luật.
- (8) Hồ sơ theo quy định tại Nghị định này và các tài liệu có liên quan (nếu có).

7. Mẫu số 07. Đơn đề nghị thành lập hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thành lập Hội ...(1)...

Kính gửi: ...(2)...

Ban vận động thành lập Hội ...(1)... trân trọng đề nghị ...(2)... xem xét, cho phép thành lập Hội ...(1)... như sau:

I. Sự cần thiết và cơ sở thành lập

1. Sự cần thiết

..... (3)

2. Cơ sở

..... (4)

II. Tên hội, tôn chỉ, mục đích

1. Tên Hội:

..... (5)

2. Tôn chỉ, mục đích của Hội

..... (6)

III. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động và nhiệm vụ, quyền hạn

1. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

..... (7)

2. Nhiệm vụ, quyền hạn

..... (8)

IV. Tài sản, tài chính và trụ sở ban đầu:

1. Tài sản, tài chính đóng góp:

.....

2. Nơi dự kiến đặt trụ sở của Hội:

.....

V. Hồ sơ, gồm:

..... (9)

Thông tin khi cần liên hệ của đại diện Ban vận động thành lập hội:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Ban Vận động thành lập Hội đề nghị ...(2)... xem xét, quyết định cho phép thành lập Hội ...(1)...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. BAN VẬN ĐỘNG

TRƯỞNG BAN

(Chữ ký)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên hội dự kiến thành lập.
- (2) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội.
- (3) Khái quát thực trạng lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và sự cần thiết thành lập hội.
- (4) Bảo đảm theo quy định tại Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan (nếu có).
- (5) Tên gọi bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài (nếu có), tên viết tắt (nếu có) phù hợp với lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và quy định của pháp luật.
- (6) Xác định cụ thể tôn chỉ, mục đích phù hợp tên gọi và quy định của pháp luật.
- (7) Xác định cụ thể phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hội dự kiến hoạt động phù hợp tên gọi, quy định của pháp luật.
- (8) Nêu các nhiệm vụ, quyền hạn của hội phù hợp tên gọi và quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).
- (9) Theo quy định tại Nghị định này và tài liệu liên quan (nếu có).

8. Mẫu số 08. Công văn báo cáo kết quả Đại hội

...(1)...

....., ngày ... tháng ... năm ...

Số: ... - BC/...(2)...

“V/v báo cáo kết quả Đại hội”

Kính gửi: ... (3) ...

Ngày ... tháng ... năm ..., Đại hội (Đại hội nhiệm kỳ ... hoặc Đại hội bất thường) Hội...(1)... đã được tổ chức tại..., Đại hội đã thảo luận và thông qua nội dung sau:

.....(4)

Hồ sơ gửi kèm theo:

..... (5)

Tài liệu khác có liên quan (nếu có)

Hội ...(1)... báo cáo kết quả Đại hội với ...(3)... và đề nghị xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

TM. ... (6) ...

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên Hội.

(2) Viết tắt tên Hội.

(3) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội.

(4) Những nội dung đã được Đại hội thảo luận, thông qua.

(5) Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định tại Hướng dẫn này.

(6) Ủy ban Hội LHTN Việt Nam tỉnh/xã.

Mẫu số 09. Công văn báo cáo đặt chi nhánh, văn phòng đại diện

...(1)...

....., ngày... tháng ... năm ...

Số: ... - CV/...(2)...

“V/v đặt văn phòng đại diện của
Hội”

Kính gửi: ... (3)...

Ủy ban nhân dân ...(4)... đã có Quyết định số ... ngày... tháng ... năm ... cho phép Hội ...(1)... đặt văn phòng đại diện.

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Trưởng văn phòng đại diện (nếu có):

Thực hiện quy định của pháp luật về hội, Hội ...(1)... trân trọng báo cáo với ...(3)... về việc Hội đặt văn phòng đại diện của Hội tại ...(4)... (có bản sao Quyết định kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu ...

TM. ... (5) ...

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên Hội.

(2) Viết tắt tên Hội.

(3) Cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội.

(4) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.

(5) Ủy ban Hội LHTN Việt Nam tỉnh/xã.

10. Mẫu số 10. Công văn báo cáo thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của Hội

...(1)...

....., ngày... tháng ... năm ...

Số: ... - CV/...(2)...

“V/v thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ
sở của Hội”

Kính gửi: ... (3)...

Hội ...(1)... thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của Hội như sau:

Địa chỉ nơi đặt trụ sở mới:(4)

Điện thoại, fax (nếu có):

Thực hiện quy định của pháp luật về hội, Hội ...(1)... trân trọng báo cáo với
...(3)... về việc Hội đã thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của Hội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

TM. ... (5) ...

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên Hội.

(2) Viết tắt tên Hội.

(3) Cơ quan nhà nước quy định tại Hướng dẫn này.

(4) Ghi chi tiết, cụ thể nơi đặt trụ sở mới của hội.

(5) Đối với cấp tỉnh: Ủy ban Hội LHTN Việt Nam tỉnh; đối với cấp xã: Ủy ban Hội LHTN Việt Nam xã.

11. Mẫu số 11. Công văn báo cáo thay đổi chức danh lãnh đạo hội

...(1)...

....., ngày... tháng ... năm ...

Số: ...- CV/...(2)...

“V/v thay đổi chức danh lãnh
đạo”

Kính gửi: ... (3)...

Hội đã thay đổi các chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch, Ủy viên Đoàn Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban Hội, Ủy viên Ban Kiểm tra của Hội như sau (4):

1. Ông (bà):.....; chức vụ:
2. Ông (bà):.....; chức vụ:
3. Ông (bà):.....; chức vụ:

Tài liệu gửi kèm theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động, tổ chức và quản lý Hội.

Thực hiện quy định pháp luật về Hội, Hội trân trọng báo cáo với ... (3) ... về việc thay đổi chức danh lãnh đạo của Hội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

TM. ... (5) ...

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên Hội.
- (2) Tên viết tắt của Hội.
- (3) Cơ quan nhà nước quy định tại Hướng dẫn này.
- (4) Ghi cụ thể các trường hợp thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch theo quy định của điều lệ Hội.
- (5) Đối với cấp tỉnh: Ủy ban Hội LHTN Việt Nam tỉnh; đối với cấp xã: Ủy ban Hội LHTN Việt Nam xã.

12. Mẫu số 12. Điều lệ Hội (*)

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ HỘI ...(2)...

(Kèm theo Quyết định số ... /QĐ-... ngày... tháng... năm ... của...)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt:
2. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):
3. Tên viết tắt (nếu có):
4. Biểu tượng (nếu có):

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội ...(2)... (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức ...(3)... của ...(4)..., tự nguyện thành lập, nhằm mục đích đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh niên trong và ngoài nước cùng phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trong phạm vi ...(5)..., về lĩnh vực...(6)...
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của ...(7)..., sự quản lý của ...(8)... và các bộ, ngành khác có liên quan về lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động (9).
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI

Điều 6. Quyền của Hội

Căn cứ quy định tại Điều 23 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động, tổ chức và quản lý Hội để quy định cụ thể.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội

Căn cứ quy định tại Điều 24 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động, tổ chức và quản lý Hội để quy định cụ thể.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự:
 - a) Hội viên chính thức: tổ chức, công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.
 - b) Hội viên danh dự (nếu có)(11).....
2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức: (12).....

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội.
- 10.....

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.
- 6.....

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

.....(13)

Ủy ban Hội ban hành Quy chế quy định cụ thể về kết nạp hội viên, cho hội viên ra khỏi Hội phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành (hoặc tên gọi khác).
3. Ban Thường vụ (hoặc tên gọi khác).
4. Ban Kiểm tra.
5. Các tổ chức thuộc Hội (14).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức ...(15)... một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.
2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.
3. Nhiệm vụ của Đại hội:
 - a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;
 - b) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử;
 - c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Hội; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Hội;
 - d) Thông qua điều lệ Hội hoặc thảo luận đổi tên Hội (nếu có) thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;
 - đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có);

e) Thông qua đề án nhân sự đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

g) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội (16);

h) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội (nếu có);

i) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 tổng số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội (hoặc tên gọi khác)

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội, các quy chế khác và quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra (17); bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá... số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (18) đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả ủy viên Ban Chấp hành, Ban kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (19) đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

- b) Ban Chấp hành mỗi năm họp... lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên... tổng số thành viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định;
- c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là hợp lệ khi có... thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;
- d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên... tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;
- đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội (hoặc tên gọi khác)

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:
 - a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;
 - b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;
 - c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hội;
 - d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.
3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:
 - a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;
 - b) Ban Thường vụ mỗi năm họp... lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên... tổng số thành viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;
 - c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là hợp lệ khi có... thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;
 - d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên... tổng số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý

kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu (20). Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hội, hội viên, các tổ chức thuộc Hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại tố cáo của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành. Trường hợp không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

c)

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

Điều 17.(21).....

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội (hoặc tên gọi khác)

1. Chủ tịch Hội là đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Hội:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực hội hoạt động;
- Có quốc tịch Việt Nam;
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích;

-(22).....

b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh chủ tịch quá 02 hội;
- Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của hội; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;
- Nhân sự dự kiến chủ tịch hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

-(23).....

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

- a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;
- b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;
- c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;
- d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;
- đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội;
- e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

4. Số lượng Phó Chủ tịch hội(24).....

5. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

- a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;
- b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Tòa án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hội.

7. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Hội;

b) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội.

Điều 19(25).....

Chương V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 20. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Ban Chấp hành Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Thu hồi con dấu của Hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;
- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao (nếu có);
- Chi thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Khi hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

- Đối với tài sản của Hội được hình thành từ nguồn tự có của Hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hội.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội:

a) Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội;

b) Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

c) Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Hội phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội;

- Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ, tài trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội);

- Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội và cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội;

- Lập đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

- b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội và cơ quan kiểm toán có thẩm quyền;
- c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Hội

Căn cứ quy định tại Điều 36 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động, tổ chức và quản lý Hội để quy định cụ thể.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức:.....(26).....

Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội được Đại hội thông qua khi có trên.... tổng số đại biểu chính thức tán thành.
2. Điều lệ phải được Hội hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội phê duyệt.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội ...(2)... gồm... Chương... Điều đã được Đại hội...(27)... Hội...(2)... thông qua ngày... tháng... năm... tại... và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của... (28)...
2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội ...(2)... có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này.

Ghi chú:

(*) Mẫu này hướng dẫn nội dung chính của điều lệ Hội; nếu sửa đổi, bổ sung thì ghi: Điều lệ (sửa đổi, bổ sung). Căn cứ quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan; căn cứ tính chất, phạm vi, lĩnh vực hoạt động, tổ chức của Hội, Hội có thể bổ sung quy định cho phù hợp.

(1) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt điều lệ.

(2) Tên Hội.

(3) Ghi rõ Hội là tổ chức chính trị - xã hội hoặc chính trị - xã hội - nghề nghiệp hoặc xã hội - nghề nghiệp hoặc xã hội....

(4) Ghi rõ đối tượng tập hợp của Hội.

(5) Ghi rõ phạm vi hoạt động của Hội: toàn quốc hoặc liên tỉnh, trong tỉnh, trong huyện, trong xã,....

(6) Ghi rõ lĩnh vực hoạt động chính của Hội.

(7) Cơ quan nhà nước cho phép thành lập Hội.

(8) Cơ quan nhà nước quản lý lĩnh vực hoạt động chính của Hội.

(9) Trừ các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (được hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao).

(10) (11) Quy định cụ thể hội viên danh dự (nếu có) phù hợp với quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động, tổ chức và quản lý Hội.

(12) Quy định cụ thể tiêu chuẩn hội viên chính thức của Hội.

(13) Quy định cụ thể thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội đối với hội viên.

(14) Căn cứ tình hình thực tế, Hội quy định cụ thể các tổ chức thuộc Hội theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động, tổ chức và quản lý Hội.

(15) Quy định cụ thể nhiệm kỳ đại hội của Hội nhưng không quá 05 năm.

(16), (18), (19), (20) Nếu là Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thì Ban kiểm tra do Ban chấp hành bầu. Bầu Ban kiểm tra thực hiện theo quy định của Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động, tổ chức và quản lý Hội.

(17) Nếu là Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thì bổ sung: “Việc bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ phải báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến trước khi thực hiện”.

(21) Các tổ chức thuộc hội căn cứ Điều 25 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động, tổ chức và quản lý Hội để quy định cụ thể.

(22), (23) Hội quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, sức khỏe, nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội.

(24) Hội quy định: (i) Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh bầu không quá 03 Phó Chủ tịch chuyên trách. Số lượng Phó Chủ tịch không chuyên

trách do hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng Phó Chủ tịch chuyên trách; (ii) Hội hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh được bầu không quá 02 Phó Chủ tịch chuyên trách. Số lượng Phó Chủ tịch không chuyên trách do Hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng Phó Chủ tịch chuyên trách; (iii) Hội hoạt động trong phạm vi cấp huyện được bầu 01 Phó Chủ tịch chuyên trách. Số lượng Phó Chủ tịch không chuyên trách do Hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng Phó Chủ tịch chuyên trách; (iv) Hội hoạt động trong phạm vi cấp xã được bầu 01 Phó Chủ tịch chuyên trách. Số lượng Phó Chủ tịch không chuyên trách do Hội tự quyết định nhưng không quá 02 lần số lượng Phó Chủ tịch chuyên trách; trừ hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

(25) Các chức danh khác: Tổng thư ký,... (nếu có).

(26) Ghi rõ các hình thức kỷ luật: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ....

(27) Đại hội thành lập hoặc đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu lần thứ... hoặc đại hội bất thường.

(28) Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội phê duyệt Điều lệ: Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc Chủ tịch UBND cấp xã theo phân cấp.

13. Mẫu số 13. Đơn đề nghị sáp nhập Hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Sáp nhập Hội ...(1)... vào Hội ...(2)...

Kính gửi: ...(3)...

Theo Hướng dẫn số 02- HD/TWH ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Trung ương Hội LHTN Việt Nam về sắp xếp tổ chức và hoạt động của Hội LHTN Việt Nam các cấp; Hội ...(1)... và Hội ...(2)... đã thông qua việc sáp nhập Hội ...(1)... vào Hội ...(2)... như sau:

1. Lý do sáp nhập hội.....(4).....

2. Hồ sơ gồm.....(5).....

Các tài liệu có liên quan (nếu có)

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Đề nghị ...(3)... xem xét, quyết định cho phép sáp nhập Hội ...(1)... vào Hội...(2)....

..., ngày... tháng... năm ...

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu ...

TM. ...(1) (6)...

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

TM. ...(2) (6)...

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên Hội bị sáp nhập.

(2) Tên Hội được sáp nhập.

(3) Cơ quan có thẩm quyền cho phép sáp nhập Hội.

(4) Nêu rõ lý do, sự cần thiết sáp nhập Hội và việc sáp nhập phù hợp quy định của pháp luật.

(5) Theo Hướng dẫn số 02 - HD/TWH ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Trung ương Hội LHTN Việt Nam về sắp xếp tổ chức và hoạt động của Hội LHTN Việt Nam các cấp.

(6) Đối với cấp tỉnh: Ủy ban Hội LHTN Việt Nam tỉnh; đối với cấp xã: Ủy ban Hội LHTN Việt Nam xã.

14. Mẫu số 14. Đơn đề nghị giải thể Hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Giải thể Hội ...(1)...

Kính gửi: ...(2)...

Theo Hướng dẫn số 02 - HD/TWH ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Trung ương Hội LHTN Việt Nam về sắp xếp tổ chức và hoạt động của Hội LHTN Việt Nam các cấp; Hội ...(1)... đã thông qua việc giải thể như sau:

1. Lý do giải thể hội.....(3).....
 2. Hồ sơ gồm:.....(4).....
- Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Hội ...(1)... đề nghị ...(2)... xem xét, quyết định giải thể Hội.

..., ngày... tháng... năm...

TM. ...(5)...

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu ...

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên Hội đề nghị giải thể.
- (2) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải thể Hội.
- (3) Nêu rõ lý do giải thể Hội và việc giải thể phù hợp quy định của pháp luật.
- (4) Theo Hướng dẫn số 02 - HD/TWH ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Trung ương Hội LHTN Việt Nam về sắp xếp tổ chức và hoạt động của Hội LHTN Việt Nam các cấp.
- (5) Đối với cấp tỉnh: Ủy ban Hội LHTN Việt Nam tỉnh; đối với cấp xã: Ủy ban Hội LHTN Việt Nam xã.

15. Mẫu số 15. Đơn đề nghị đặt chi nhánh, văn phòng đại diện
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN PHÉP

Đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện

Kính gửi: Ủy ban nhân dân...(1)...

Hội...(2)... báo cáo Ủy ban nhân dân...(1)... xem xét, cho phép Hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Hội tại...(1)... như sau:

1. Sự cần thiết đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện

.....(3).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(4).....

Thông tin liên hệ:.....

Họ và tên:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:

Hội...(2)... đề nghị Ủy ban nhân dân(1)... xem xét, cho phép Hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.

..., ngày... tháng... năm ...

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu ...

TM. ...(5)...

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương.

(2) Tên Hội đề nghị đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.

(3) Nêu rõ sự cần thiết đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện và địa chỉ dự kiến nơi đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.

(4) Hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động, tổ chức và quản lý Hội.

(5) Đối với cấp tỉnh: Ủy ban Hội LHTN Việt Nam tỉnh; đối với cấp xã: Ủy ban Hội LHTN Việt Nam xã.

16. Mẫu số 16. Báo cáo hoạt động hội

...(1)...

....., ngày... tháng ... năm ...

Số: ... –BC/...(2)...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

NĂM ...

Thực hiện quy định của pháp luật, Hội ...(1)... báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội năm... như sau:

1. Về tổ chức của Hội

a) Về hội viên:

Tổng số hội viên:.....

Trong đó:

Hội viên tổ chức:.....

Hội viên cá nhân:.....

Số hội viên mới kết nạp trong năm:

Trong đó:

Hội viên tổ chức:

Hội viên cá nhân:

b) Những người làm việc chuyên trách tại Hội:

Trong đó: Số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao (nếu có):

c) Số lượng các tổ chức thuộc Hội (trong đó làm rõ số thành lập mới trong năm báo cáo)

- Tổ chức có tư cách pháp nhân:

- Phòng, ban, đơn vị thuộc:

- Tổ chức cơ sở thuộc Hội:

- Văn phòng đại diện:

d) Việc kiện toàn tổ chức Hội (tổ chức Đại hội, hội nghị thường niên; họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ theo quy định của Điều lệ Hội, kiện toàn ban lãnh đạo, các chức danh chủ chốt...):.....

đ) Khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội (nếu có):.....

2. Kết quả hoạt động

a) Kết quả những hoạt động của Hội:

.....

Trường hợp Hội (bao gồm tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội) nhận nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền về mục đích, kế hoạch sử dụng trước khi thực hiện và kết quả thực hiện, trong đó

nêu rõ các thông tin về hoạt động, kết quả thực hiện các khoản viện trợ nước ngoài (được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt), hợp đồng dịch vụ hoặc thỏa thuận hợp tác với nước ngoài (không thực hiện phê duyệt); thông tin về nhà tài trợ; thông tin đối tác trực tiếp tiếp nhận, thực hiện tài trợ.

b) Việc thực hiện nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao:

3. Tài chính của Hội

a) Tổng nguồn thu của Hội:.....

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ:.....

- Kinh phí do tổ chức nước ngoài tài trợ:

Nêu rõ giá trị nguồn kinh phí, tài chính do nước ngoài tài trợ (được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt) hoặc tài trợ theo hợp đồng dịch vụ hoặc thỏa thuận hợp tác (không thực hiện phê duyệt) kèm theo kết quả thực hiện nghĩa vụ thuế và quy định pháp luật liên quan hợp đồng dịch vụ hoặc thỏa thuận hợp tác của Hội.

- Hội tự huy động từ các nguồn khác:

b) Tổng chi của Hội:

4. Tài sản của Hội

a) Tài sản hình thành từ ngân sách nhà nước hoặc được Nhà nước giao

b) Tài sản từ nguồn viện trợ và tài sản từ các nguồn hợp pháp khác của Hội

5. Dự kiến phương hướng, nhiệm vụ năm...

6. Đề xuất, kiến nghị

Trên đây là nội dung báo cáo về tổ chức, hoạt động năm ..., Hội...(1)... báo cáo ...(3)....

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu ...

TM. ...(4)...

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

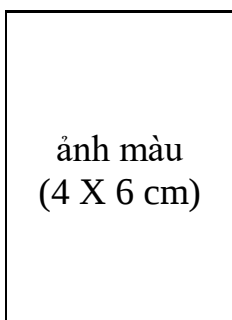
(1) Tên Hội.

(2) Tên viết tắt của Hội.

(3) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội.

(5) Đối với cấp tỉnh: Ủy ban Hội LHTN Việt Nam tỉnh; đối với cấp xã: Ủy ban Hội LHTN Việt Nam xã.

17. Mẫu số 17. Sơ yếu lý lịch cá nhân



SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁ NHÂN

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):
- 2) Tên gọi khác:
- 3) Sinh ngày: ... tháng... năm..., Giới tính (nam, nữ):.
- 4) Nơi sinh: Xã, Tỉnh .
- 5) Quê quán:
- 6) Dân tộc:, 7) Tôn giáo:
- 8) Nơi thường trú:
(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, tỉnh)
- 9) Nơi ở hiện nay:..... (Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, tỉnh)
- 10) Nghề nghiệp công tác:
- 11) Ngày tuyển dụng:/...../....., Cơ quan tuyển dụng:
- 12) Chức vụ (chức danh) hiện tại:..... Ngày tháng năm bổ nhiệm:
(về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)
- 13) Công việc chính được giao:
- 14) Ngạch công chức (viên chức) nếu có:..... Ngày tháng năm bổ nhiệm ngạch:....., Mã ngạch:
- Bậc lương:..., Hệ số:..., Ngày hưởng: .../.../....., Phụ cấp chức vụ:....., Phụ cấp khác:
- 15.1-Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):
- 15.2-Trình độ chuyên môn cao nhất:
(TSKH, TS, Ths, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; chuyên ngành)
- 15.3- Lý luận chính trị:
(Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương)
- 15.4-Quản lý nhà nước:
(Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự,.....)
- 15.5-Ngoại ngữ:
(Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D,...)
- 15.6-Tin học:
(Trình độ A, B, C,...)
- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:....../...../...., Ngày chính thức:....../...../....
- 17) Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội:
(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội.....và làm việc gì trong tổ chức đó)
- 18) Ngày nhập ngũ: .../...../....., Ngày xuất ngũ: .../...../....., Quân hàm cao nhất:

19) Danh hiệu được phong tặng cao nhất:

(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang; nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân và ưu tú,...)

20) Sở trường công tác:

21) Khen thưởng:

(Hình thức cao nhất, năm nào)

22) Kỷ luật:

(về đảng, chính quyền, đoàn thể hình thức cao nhất, năm nào)

23) Tình trạng sức khỏe:, Chiều cao:, Cân nặng:kg, Nhóm máu:

24) Là thương binh Là con gia đình chính sách:

hạng: .../...,

(Con thương binh, con liệt sĩ, người nhiễm chất độc da cam Dioxin)

25) Số CMND hoặc số Căn cước công dân hoặc số Căn cước: Ngày cấp:.... /.... /.....

26) Số sổ BHXH (nếu có):

27) Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm- đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì
.....		.../... - .../...		
.....		.../... - .../...		
.....		.../... - .../...		
.....		.../... - .../...		
.....		.../... - .../...		
.....		.../... - .../...		
.....		.../... - .../...		
.....		.../... - .../...		

Ghi chú: Hình thức đào tạo: Chính quy, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng... Văn bằng: TSKH, TS, Ths, Cử nhân, Kỹ sư...

28) Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ,...
.....	
.....	
.....	

Ngày....tháng...năm

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu có điều gì không đúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình

(Ký tên, ghi rõ họ tên)